

Hội Thảo: Tổng quan cung cầu gỗ của Việt Nam: thực trạng và xu hướng – Ngày 23 tháng 12 năm 2014

Tính pháp lý của gỗ cao su tại Việt Nam

(Báo cáo phục vụ hội thảo)

Đặng Việt Quang,
Nguyễn Tôn Quyền,
Lê Khắc Côi,
Nguyễn Mạnh Dũng,
Cao Thị Cẩm,

Hà nội, tháng 12 năm 2014



Lời cảm ơn

Báo cáo “*Tính pháp lý của gỗ cao su tại Việt Nam*” được tổng hợp từ kết quả khảo sát tại hai tỉnh Kon Tum và Bình Phước vào tháng 6 năm 2014. Thông qua tổ chức Forest Trends, báo cáo được hoàn thiện với sự hỗ trợ tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) và Bộ Phát triển Quốc tế Vương Quốc Anh (DFID). Các thông tin và kết quả trong báo cáo có được nhờ vào sự hợp tác của các cơ quan ban ngành tại Bình Phước và Kon Tum.

Nhóm nghiên cứu trân trọng gửi lời cảm ơn đến Sở NNN&PTNT Bình Phước, Chi Cục Lâm Nghiệp Bình Phước, Chi Cục Trồng Trọt và Bảo Vệ Thực Vật Bình Phước, Sở NN&PTNT Kon Tum, UBND huyện Bù Gia Mập, UBND huyện Sa Thầy, UBND xã Sa Nhơn, UBND xã Phú Vãn và các hộ gia đình tại hai xã này đã cung cấp thông tin thực tế để phục vụ nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu không thể thiếu những thông tin do các công ty và doanh nghiệp cung cấp. Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, Hiệp Hội Cao Su Việt Nam, Công Ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Thuận An, Công Ty Cổ Phần Gỗ Đồng Phú, Công Ty TNHH MTV Phú Riêng, Công Ty TNHH MTV Sông Bé, Công Ty TNHH Gỗ Nam Mỹ, Doanh Nghiệp Tư Nhân Nam Cường và Công Ty TNHH MTV Kon Tum.

Quan điểm thể hiện trong báo cáo là quan điểm của nhóm tác giả không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ và của các tổ chức nơi tác giả đang làm việc.

Mục lục

Tóm tắt báo cáo.....	i
Từ Viết Tắt.....	iii
Giới thiệu đầu.....	1
Phương pháp và địa bàn nghiên cứu.....	2
Bối cảnh các nước trong khu vực.....	3
Ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su tại một số nước trong khu vực.....	3
Thái Lan.....	3
Malaysia.....	3
Trung Quốc.....	4
Tính pháp lý của gỗ cao su và FLEGT/VPA tại một số nước trong khu vực.....	4
Bối cảnh tại Việt Nam.....	5
Diện tích và lượng gỗ cao su qua các thời kỳ.....	5
Các thuật ngữ theo quy định pháp lý trong ngành lâm nghiệp Việt Nam.....	8
Tiến trình đàm phán Hiệp định Đối tác Tự nguyện của Việt Nam với Liên minh Châu Âu.....	8
Kết quả khảo sát.....	9
Chuỗi cung ứng gỗ cao su.....	9
Thủ tục thanh lý bán đấu giá vườn cây cao su.....	12
Bảng chứng pháp lý của gỗ cao su.....	13
Khai thác.....	13
Vận chuyển.....	14
Chế biến.....	15
Xuất khẩu.....	15
Các quy định hiện hành.....	16
Các văn bản tham chiếu đối với tính hợp pháp của gỗ cao su.....	16
Khai thác.....	16
Mua bán và vận chuyển gỗ cao su.....	18
Chế biến.....	18
Xuất nhập khẩu.....	19
Nội dung của các văn bảnQPPL đối với tính hợp pháp của gỗ cao su.....	19
Các bên liên quan đến chuỗi cung ứng gỗ cao su.....	22
Cơ quan quản lý nhà nước.....	22
Doanh nghiệp và hộ gia đình.....	23
Thuận lợi và khó khăn.....	24
Kết luận.....	24
Tài liệu tham khảo.....	25

Tóm tắt báo cáo

Hiện tại Việt Nam chưa có một nghiên cứu nào tổng hợp các quy định pháp lý liên quan đến các khâu trong chuỗi cung ứng gỗ cao su từ khai thác, vận chuyển, chế biến đến xuất khẩu trong khi lượng gỗ cao su tham gia chuỗi cung ứng ngày càng nhiều và nhu cầu sử dụng gỗ cao su ngày càng tăng. Việc thiếu các thông tin pháp lý trong lĩnh vực này làm cho việc xác định tính hợp pháp của gỗ cao su thiếu những căn cứ thuyết phục để Chính phủ Việt Nam thương thảo với Liên minh Châu Âu ký kết Hiệp Định Đối Tác Tự Nguyện (VPA) theo chương trình Tăng cường Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (FLEGT). Hai trong số những phần quan trọng của Hiệp định này là Định nghĩa Gỗ hợp pháp (LD) và Hệ thống Đảm bảo tính Hợp pháp của gỗ (TLAS). Hiện tại LD và TLAS đang thiếu những thông tin về tính pháp lý của gỗ cao su. Do vậy, nghiên cứu “Tính pháp lý của gỗ cao su tại Việt Nam” được thực hiện nhằm bổ sung thông tin cho Định nghĩa gỗ hợp pháp và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ của Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA), cung cấp thông tin cho việc hoạch định chính sách, giúp các cá nhân và tổ chức tham gia thị trường gỗ có chiến lược và hành động phù hợp trong tương lai.

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Việt Nam có tiềm năng phát triển ngành công nghiệp gỗ cao su. Hiện tại lượng gỗ cao su hàng năm khai thác từ các vườn thanh lý, tái canh khoảng 2 triệu m³/năm. Theo ước tính, đến năm 2030, lượng gỗ cao su có thể đạt mức 6 triệu m³ do diện tích cao su được mở rộng đáng kể từ năm 2000 và diện tích tái canh đang tăng dần qua các năm.
- Chuỗi cung ứng gỗ cao su tại Việt Nam xuất phát từ 4 loại hình kinh doanh: gỗ cao su thanh lý của các công ty thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), gỗ cao su thanh lý của các công ty do địa phương quản lý, gỗ cao su của các hộ gia đình, gỗ cao su của các công ty tư nhân, và gỗ cao su nhập khẩu. Hiện nay gỗ cao su thanh lý của các công ty thuộc tập đoàn VRG thanh lý chiếm 90%. Trong tương lai tỷ lệ này sẽ giảm vì diện tích thanh lý cao su của các hộ gia đình và của các công ty do địa phương quản lý sẽ tăng dần trong những năm tới. Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp cho gỗ cao su, do vậy, cần phải được xây dựng cho cả 4 loại hình.
- Mặc dù Chính phủ Việt Nam chưa có quy định cụ thể đối với việc khai thác, vận chuyển và chế biến gỗ cao su nhưng gỗ cao su của các công ty do VRG và UBND Tỉnh quản lý đã và đang được thanh lý thông qua đấu giá công khai theo quy định của chính phủ. Việc đấu giá gỗ cao su đã tạo cơ sở để gỗ cao su có các giấy tờ hợp pháp trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến. Gỗ cao su của các hộ gia đình đang được UBND xã xác nhận địa điểm và chủ sở hữu để từ đó các công ty khai thác và chế biến có căn cứ truy xuất nguồn gốc gỗ và có giấy tờ hợp pháp trong quá trình lưu thông.
- Thực trạng nêu trên đang diễn ra đối với gỗ cao su trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, không phải đất rừng. Trong khi, cây cao su, những năm gần đây, đã được trồng trên đất rừng chuyển đổi với diện tích 260.880 ha. Theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng của Việt Nam, cây cao su trồng trên đất này sẽ được coi là rừng cao su. Trong tương lai, việc khai thác gỗ trên diện tích này cần có sự can thiệp của Sở NN&PTNT hoặc UBND xã theo các quy định trong Thông Tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Gỗ cao su trồng trên các loại đất khác có thể được coi là gỗ từ vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán, tuân thủ theo các quy định trong Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 và Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.
- Khai thác gỗ cao su hợp pháp, do vậy, sẽ có sự khác biệt giữa gỗ khai thác từ rừng cao su trồng tập trung và gỗ khai thác từ vườn cao su trồng trên các loại đất khác. Gỗ khai thác từ rừng cao su trồng tập trung, ngoài việc tuân thủ các quy định tương tự gỗ cao su trồng trên các loại đất khác, cần có thiết kế khai thác và được Sở NN&PTNT cấp phép khai thác đối với rừng cao su trồng bằng vốn ngân sách nhà nước, có bản đăng ký khai thác gửi tới UBND xã đối với rừng cao su trồng bằng vốn tự đầu tư hoặc nhà nước hỗ trợ. Các loại giấy tờ cần thiết khác để đảm bảo gỗ cao su hợp pháp trong khai thác, vận chuyển và chế biến gỗ cao su bao gồm: chứng nhận quyền sử dụng đất (bằng một trong các giấy tờ sau: Sổ Đỏ, Quyết định giao đất, hoặc hợp đồng thuê đất); đăng ký kinh doanh; hợp đồng mua bán; hóa đơn tài chính hoặc hóa đơn GTGT; bảng kê lâm sản; phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ; và sổ theo dõi xuất nhập lâm sản. Ngoài ra các cơ sở cần phải tuân thủ các quy định nộp thuế, sử dụng lao động, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường. Đối với việc nhập khẩu gỗ cao su, ngoài hợp đồng và các chứng từ nhập

khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu cần có chứng nhận kiểm dịch thực vật để phòng tránh sâu bệnh lạ gây dịch hại cho các vùng trồng nhiều cao su tại Việt Nam.

- Hiện tại gỗ cao su đang được khai thác rất thuận lợi mà không gặp khó khăn. Nhưng khi gỗ cao su được đưa vào Định nghĩa gỗ hợp pháp và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ, quyền sử dụng đất có thể sẽ ảnh hưởng đến việc khai thác gỗ cao su vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại chưa hoàn tất ở nhiều địa phương. Một số nơi vẫn tồn tại diện tích cao su nằm trên đất lấn chiếm. Tại Bình Phước, diện tích này ước tính khoảng 12.000 ha, tại xã Sa Nhơn huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum, diện tích đất lấn chiếm trồng cao su là 10 ha. Những diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy gỗ cao su trồng trên diện tích đất này không được coi là gỗ hợp pháp. Giải pháp đối với diện tích đất này tại mỗi địa phương là không đồng nhất. Tại Bình Phước, UBND Tỉnh đang có chủ trương cấp giấy chứng nhận cho các hộ dân là người dân tộc thiểu số định cư lâu dài và hiện đang canh tác trên diện tích đất lấn chiếm, còn các hộ gia đình di cư từ nơi khác đến sẽ được ký hợp đồng thuê đất lâu dài. Tại Sa Nhơn, chính quyền xã đã lập biên bản, phạt hành chính và yêu cầu hộ dân không mở rộng diện tích lấn chiếm. Tuy nhiên, diện tích đất lấn chiếm chỉ chiếm một phần nhỏ (5% tại Bình Phước) trong tổng số diện tích trồng cao su và vườn cao su trên diện tích đất này hiện nay chưa đến thời kỳ khai thác.

Kiến nghị chính sách

- Việc phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su không chỉ phụ thuộc vào diện tích thanh lý mà còn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của nhà nước. Malaysia, Thái lan và Indonesia là những ví dụ điển hình. Gỗ cao su thanh lý ở Malaysia và Thái lan ít hơn Indonesia nhưng ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su ở hai nước này phát triển mạnh hơn nhờ có những chính sách và chiến lược phát triển ngành công nghiệp gỗ cao su một cách hợp lý. Do vậy, Chính phủ Việt Nam nên có chính sách khuyến khích ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su phát triển.
- Vì gỗ cao su của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường các nước, nhu cầu tiêu thụ trong nước chỉ chiếm một phần nhỏ (khoảng 10%), việc đưa gỗ cao su vào Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) để hướng đến thị trường Châu Âu là hợp lý. Tuy nhiên, việc áp dụng hệ thống Đảm bảo Tính hợp pháp của Gỗ (TLAS) có thể sẽ gây cản trở cho ngành chế biến này nếu không xác định rõ ràng việc áp dụng các văn bản pháp quy đối với từng trường hợp cụ thể. Về cơ bản, theo kết quả nghiên cứu, Hiệp định (VPA) nên phân định rõ ràng ranh giới giữa cao su trồng trên đất rừng (theo diện tích đất rừng tự nhiên chuyển đổi trồng cao su) và diện tích đất cao su trồng trên các loại đất khác (như đất trồng cây lâu năm, đất vườn...). Đối với gỗ cao su trồng trên đất rừng áp dụng Thông Tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ, để quản lý diện tích rừng tại các tỉnh. Đối với gỗ cao su trồng trên các loại đất khác có thể coi như gỗ tận thu từ vườn, trạng trại theo Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 và Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản để tạo thuận lợi cho việc khai thác, lưu thông và chế biến gỗ cao su tại Việt Nam.
- Theo kết quả nghiên cứu, hiện tại nhiều hộ gia đình ở các tỉnh trồng cao su chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Do vậy, Sở Tài Nguyên và Môi Trường kết hợp với UBND Huyện ở các tỉnh trồng nhiều cao su cần đẩy nhanh quá trình cấp giấy chứng nhận QSDĐ (có thể là một trong các giấy tờ sau: Sổ Đỏ, Quyết định giao đất, hoặc hợp đồng thuê đất) đối với các hộ gia đình hiện nay đang trồng cao su, nhưng chưa có chứng nhận QSDĐ. UBND Tỉnh và Sở NN&PTNT giải quyết dứt điểm các trường hợp lấn chiếm rừng trồng cao su và có biện pháp ngăn chặn không để hiện tượng này diễn ra ở địa phương.

Từ Viết Tắt

BĐGTS	Bán đấu giá tài sản
BTP	Bộ Tư Pháp
CO	Chứng nhận xuất xứ hàng hóa
CSVN	Cao Su Việt Nam
ĐV	Đơn Vị
EU	Liên Minh Châu Âu
EUTR	Quy định về gỗ số 995/2010 của Liên minh Châu Âu
FLEGT	Chương trình Tăng cường Lâm Luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm Sản
GTGT	Giá Trị Gia Tăng
HĐTV	Hội Đồng Thành Viên
HĐQT	Hội Đồng Quản Trị
LD	Định Nghĩa Gỗ Hợp Pháp
MTV	Một thành viên
NĐ-CP	Nghị Định của Chính Phủ
NM	Nhà Máy
NN&PTNT	Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn
QĐ	Quyết Định
QPPL	Quy Phạm Pháp Luật
QSDĐ	Quyền Sử Dụng Đất
TLAS	Hệ thống Đảm bảo tính Hợp pháp của gỗ
TN	Tư nhân
TNHH	Trách nhiệm Hữu Hạn
TTG	Thủ Tướng chính Phủ
TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
VPA	Hiệp định Đối tác Tự nguyện
VRG	Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam

Giới thiệu đầu

Cây cao su bắt đầu được trồng tại Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 và phát triển mạnh vào những thập niên đầu của thế kỷ 20. Diện tích cao su phát triển chậm lại vào thập niên 70 và 80 do Việt Nam không có chính sách hỗ trợ cao su như những năm 1960. Đến giai đoạn 1980-1990, chính sách đổi mới đã cho phép các hộ gia đình thuê đất để phát triển nông nghiệp trong đó có cây cao su (Trần, 2008). Nhờ đó, diện tích cao su đã phát triển theo nhu cầu của thị trường. Đến nay, cây cao su được coi là cây đa mục đích, có thể sử dụng cho cả ngành nông nghiệp và lâm nghiệp¹. Cây cao su, do vậy, không chỉ được trồng trên đất sản xuất nông nghiệp mà còn được trồng trên cả đất rừng chuyển đổi từ diện tích rừng tự nhiên nghèo kiệt².

Diện tích cao su phát triển đã tạo nguồn cung ứng gỗ cao su ngày càng nhiều và cùng với sự phát triển của công nghệ xử lý, chế biến gỗ, các sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ cao su ngày càng được ưa chuộng ở trong và ngoài nước (Trần, 2006). Theo tác giả Suyanto, việc sử dụng gỗ cao su làm nguyên liệu trong ngành chế biến gỗ sẽ tạo ra lợi ích kinh tế xã hội cho các vùng nông thôn, cải thiện môi trường và tăng cường giao thương quốc tế. Về mặt kinh tế xã hội, việc khai thác tận thu gỗ cao su khi hiệu quả kinh tế mù cao su xuống thấp sẽ nâng cao thu nhập cho các hộ dân cũng như các công ty trồng cao su tại các vùng nông thôn. Về mặt môi trường, việc sử dụng gỗ cao su sẽ giảm khí phát thải vì không phải đốt khi tái canh trồng mới³. Trước đây, gỗ cao su khi tái canh thường được đốt tại vườn hoặc bán làm củi. Theo ước tính, khi gỗ cao su được sử dụng làm nguyên liệu chế biến, lượng khí phát thải (tính ra CO₂) sẽ giảm khoảng 267 tấn/ha so với gỗ cao su khi sử dụng làm củi hoặc đốt tại vườn (Suyanto 1997).

Hiện nay Việt Nam chưa có các quy định cụ thể về tính pháp lý của gỗ cao su và các thông tin về khai thác, vận chuyển, chế biến, thương mại cũng như những thuận lợi và khó khăn liên quan đến gỗ cao su chưa được cập nhật và tài liệu hóa. Điều này đã làm cho việc xác định tính hợp pháp của gỗ cao su trở nên khó khăn hơn. Trong khi đó, Chính phủ Việt Nam đang đàm phán với Liên minh Châu Âu về Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) trong khuôn khổ chương trình Tăng cường Lâm Luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (FLEGT). Hai trong số những nội dung quan trọng của quá trình đàm phán bao gồm việc xây dựng Định nghĩa gỗ hợp pháp và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS). Hiệp định, sau khi ký kết (dự kiến vào cuối năm 2014), sẽ là cơ sở cho việc vận hành Định nghĩa gỗ hợp pháp và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ. Theo đó, các sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ, bao gồm cả gỗ cao su được lưu thông trên thị trường nội địa và xuất khẩu sẽ phải đáp ứng những yêu cầu về tính hợp pháp của gỗ theo các quy định của Việt Nam trong hệ thống TLAS. Việc đáp ứng các yêu cầu cũng bao gồm những bằng chứng rõ ràng về nguồn gốc và sự tuân thủ các quy định trong các khâu của chuỗi cung ứng sản phẩm gỗ, kể từ khâu xác định nguồn gốc gỗ trong quá trình khai thác, chế biến, vận chuyển, đến khâu tiêu thụ sản phẩm.

Do gỗ cao su khai thác trong nước là một trong những nguồn cung cấp nguyên liệu quan trọng cho ngành chế biến gỗ, việc xác định tính hợp pháp của gỗ cao su là cần thiết đối với tiến trình đàm phán VPA của Việt Nam. Thực hiện nghiên cứu “*Tính pháp lý của gỗ cao su*” sẽ góp phần cung cấp thêm thông tin cho các bên liên quan tham gia vào tiến trình đàm phán. Bên cạnh đó, nghiên cứu sẽ cung cấp những thông tin quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách, cá nhân và các tổ chức tham gia thị trường gỗ nhằm có những chính sách và hành động phù hợp trong tương lai. Do vậy, nghiên cứu tập trung vào những nội dung sau:

- Đánh giá tổng quan tình hình phát triển ngành công nghiệp gỗ cao su của các nước trong khu vực trong bối cảnh đang thực hiện chương trình Tăng cường Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (FLEGT) và đàm phán Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA).
- Đánh giá tổng quan tình hình hiện tại và những thay đổi của gỗ cao su qua các thời kỳ khác nhau, bao gồm nguồn cung, tổng lượng cung, chuỗi cung và các bên tham gia chuỗi cung.

¹ Quyết Định số 2855/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/09/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố cây cao su là cây đa mục đích

² Theo Quyết Định 750/QĐ-TTg ngày 03 tháng 06 năm 2009 phê duyệt quy hoạch phát triển cao su đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020

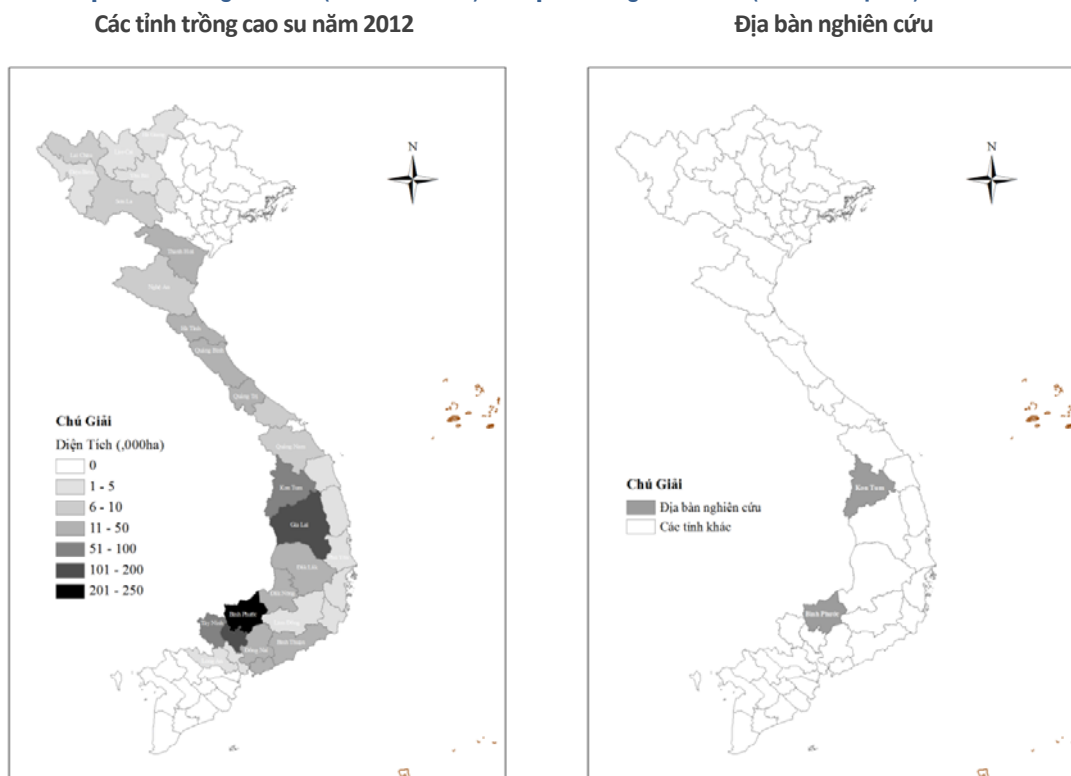
³ Theo chu kỳ kinh doanh, cây cao su sau khi trồng 25 năm, khi năng suất mù xuống thấp, hiệu quả kinh tế không cao sẽ được chặt đi để trồng mới. Giai đoạn này được gọi là tái canh.

- Tổng hợp các bằng chứng pháp lý đảm bảo tính hợp pháp của gỗ cao su theo các nguyên tắc và tiêu chí xây dựng Hệ thống Đảm bảo Tính hợp Pháp của gỗ trong Hiệp định Đối tác Tự nguyện.
- Rà soát, mô tả và hệ thống hóa các quy định hiện hành của Nhà nước làm văn bản tham chiếu cho các bằng chứng pháp lý của gỗ cao su trong khai thác, vận chuyển, chế biến và xuất nhập khẩu.
- Đánh giá vai trò và mức độ tuân thủ của các bên liên quan về các quy định trong các khâu của chuỗi cung ứng đối với gỗ cao su trong đó tập trung vào các khâu quan trọng của chuỗi.
- Xác định những thuận lợi và khó khăn của các bên khi tham gia chuỗi cung ứng trong việc đáp ứng các quy định hiện hành.

Phương pháp và địa bàn nghiên cứu

Báo cáo sử dụng hai nguồn thông tin: thứ cấp và sơ cấp. Số liệu và thông tin thứ cấp được tổng hợp từ các báo cáo và văn bản liên quan đến gỗ cao su và diện tích cao su trên cả nước. Số liệu và thông tin sơ cấp được thu thập thông qua các cuộc họp và phỏng vấn trực tiếp tại các cơ quan ban ngành, các cơ sở khai thác và chế biến gỗ cao su trên địa bàn 2 tỉnh: Bình Phước và Kon Tum (Hình 1). Nội dung các cuộc họp và phỏng vấn được chuẩn bị trước dưới hình thức bảng câu hỏi và các câu hỏi mở theo nội dung, mục tiêu trong đề cương nghiên cứu, trong đó chủ yếu tập trung vào thực trạng và tính pháp lý của gỗ cao su tại các khâu khai thác và chế biến trong chuỗi cung ứng gỗ cao su.

Hình 1. Diện tích trồng cao su (hình bên trái) và địa bàn nghiên cứu (hình bên phải)



Để có được thông tin về gỗ cao su đại diện cho cả nước, Bình Phước và Kon Tum được chọn làm điểm nghiên cứu đại diện cho 2 vùng khác nhau: Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Đây là hai vùng trồng nhiều cao su nhất trong cả nước, chiếm 83% tổng diện tích cao su trên toàn quốc (Tổng Cục Thống Kê, 2012). Bình Phước được chọn là địa bàn đại diện cho các tỉnh có diện tích cao su lớn hơn 100 ngàn ha, bao gồm Gia Lai, Bình Dương và Bình Phước. Đây là những địa phương có nhiều vườn cao su đã và đang được tái canh. Kon Tum đại diện cho các tỉnh có diện tích cao su dưới 100 ngàn ha và đã bắt đầu có diện tích cao su thanh lý.

Bối cảnh các nước trong khu vực

Ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su tại một số nước trong khu vực

Lượng gỗ cao su ở mỗi nước thông thường sẽ tỷ lệ thuận với diện tích tái canh. Theo thống kê diện tích tái canh tại các nước trồng cao su, tiềm năng phát triển ngành công nghiệp gỗ cao su tại các nước như Indonesia, Thái Lan và Malaysia là rất lớn vì lượng gỗ cao su hàng năm của Indonesia có thể đạt tới 10,08 triệu m³, Thái Lan 8,09 triệu m³ và Malaysia 7,57 triệu m³ (Bảng 1). Tuy nhiên, thực tế cho thấy, ngành công nghiệp gỗ cao su của Indonesia không phát triển bằng Malaysia và Thái Lan do Indonesia, mặc dù đã có những cố gắng nỗ lực phát triển ngành này từ những năm 1980s, nhưng chưa có chính sách phù hợp. Trước đây, chính phủ Indonesia áp đặt thuế xuất khẩu rất cao (so với Malaysia) đối với gỗ tròn và gỗ xẻ, do vậy gỗ cao su của Indonesia ít được biết đến trên thị trường Quốc tế (Suyanto 1997). Hiện tại hai nước dẫn đầu trong ngành công nghiệp gỗ cao su là Malaysia và Thái Lan.

Bảng 1. Diện tích cao su và diện tích tái canh của một số nước trong khu vực

Tên nước	Tổng diện tích (,000 ha)	Diện tích tái canh ('000 ha)	Lượng sinh khối tối thiểu (Triệu m ³)
Indonesia	3,456	56.00	10.08
Thailand	2,756	44.96	8.09
Malaysia	1,048	42.08	7.57
China	1,030	19.04	3.43

Nguồn: Kaittisak Kumse, 2013. Hiệp Hội Cao Su Thế Giới, Số liệu thống kê năm 2010. Ngô Kinh Luân, 2013, Ghi chú: lượng sinh khối tối thiểu 180m³/ha (Ratnasingam et al., 2012)

Thái Lan

Từ những năm 1990s, Thái Lan bắt đầu áp dụng các biện pháp bảo vệ rừng bằng việc hạn chế khai thác gỗ từ rừng tự nhiên. Các loại gỗ rừng trồng bao gồm gỗ teak và gỗ cao su đã được sử dụng làm nguyên liệu thay thế phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ trong nước. Thái Lan là một trong những nước dẫn đầu về lượng gỗ nhiệt đới xuất khẩu, trong đó gỗ cao su chiếm một tỷ trọng rất lớn. Năm 2011, giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ của Thái Lan đạt 725,7 triệu USD trong đó gỗ cao su chiếm 99% tương đương 718 triệu USD. Gỗ cao su của Thái Lan chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, năm 2011 giá trị gỗ cao su xuất khẩu sang TQ chiếm 97% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ cao su (Kaittisak Kumse 2013). Theo số liệu thống kê của Hiệp Hội Cao Su Thế Giới, nếu tính cả các sản phẩm làm từ gỗ cao su thì giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và đồ gỗ cao su của Thái Lan năm 2007 đạt 2,1 tỷ USD

Bảng 2. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cao su của Thái Lan năm 2007

Loại sản phẩm	Kim ngạch xuất khẩu (triệu usd)	Thị trường
Gỗ xẻ	260	Trung Quốc, Malaysia
Đồ gỗ nội thất	1087	Mỹ, Nhật
Ván công nghiệp	120	Nhật, Đức
Gỗ xây dựng	151	Trung Quốc, Việt Nam
Các loại ván khác	238	Mỹ, Anh
Các loại sản phẩm khác	268	Hàn Quốc, Malaysia
Tổng số	2124	

Nguồn: Hiệp Hội Gỗ Cao Su Thế Giới, số liệu thống kê năm 2007

Malaysia

Từ những năm 1990s, Malaysia đã có chính sách khuyến khích ngành công nghiệp gỗ cao su phát triển và hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô. Ngành công nghiệp gỗ cao su của Malaysia đã sớm phát triển và giúp sản phẩm gỗ cao su của Malaysia đạt kim ngạch xuất khẩu 683,3 triệu USD vào năm 1998 (Killman và Hong, 2000). Để hạn chế xuất

khẩu gỗ cao su nguyên liệu, Malaysia áp dụng chính sách cấp quota cho gỗ cao su nguyên liệu, 80 ngàn m³/năm tương đương 28 triệu USD. Phần gỗ cao su còn lại để phục vụ ngành chế biến gỗ trong nước.

Trung Quốc

Nhu cầu sử dụng gỗ tại Trung Quốc ngày càng tăng trong khi nguồn cung ứng ngày càng hạn hẹp. Hàng năm ngành chế biến gỗ của Trung Quốc thiếu khoảng từ 70 đến 100 triệu m³ so với nguồn cung trong nước. Đến năm 2015, lượng gỗ thiếu hụt này có thể lên đến 170 triệu m³. Do vậy, Trung Quốc đang tận dụng gỗ cao su để phục vụ ngành chế biến gỗ trong nước (Zhang Yisheng et al, 2009). Ngoài ra, Trung Quốc còn nhập khẩu gỗ cao su nguyên liệu từ Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Lượng gỗ cao su nhập khẩu từ Malaysia và Indonesia hầu như không có do Malaysia và Indonesia có chính sách hạn chế xuất khẩu gỗ cao su để đảm bảo lượng nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ trong nước.

Tính pháp lý của gỗ cao su và FLEGT/VPA tại một số nước trong khu vực

Mặc dù Thái Lan là nước dẫn đầu về xuất khẩu gỗ cao su nhưng thực tế tại Thái Lan gỗ cao su không nằm trong phạm vi kiểm soát của Luật Lâm Nghiệp Thái Lan, do vậy không có cơ quan chức năng nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho gỗ Cao Su tại Thái Lan. Chứng chỉ quốc tế FSC là một giải pháp để giải trình theo các quy định của Quy định về gỗ của Liên Minh Châu Âu (EUTR) nhưng sẽ làm tăng chi phí đầu vào của nguyên liệu gỗ và các sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Châu Âu. Cho dù gỗ cao su của Thái Lan nhập khẩu vào thị trường Châu Âu với khối lượng không nhiều, kim ngạch khoảng 186 triệu EUR, nhưng lượng gỗ cao su của Thái Lan xuất sang thị trường Trung Quốc tương đối lớn (718 triệu USD năm 2011) trong khi tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và đồ gỗ của Trung Quốc sang Châu Âu đạt 4,7 tỷ USD năm 2011, chiếm 40% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và đồ gỗ của Trung Quốc và Trung Quốc cũng phải tuân thủ hệ thống giải trình “due diligence” của Quy chế Gỗ EUTR. Gỗ cao su của Thái Lan, do vậy, sẽ bị ảnh hưởng thông qua thị trường Trung Quốc. Thái Lan hiện tại cũng bắt đầu đàm phán với Châu Âu để ký Hiệp định Đối tác Tự nguyện và xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ để sau này có thể thay thế cho việc sử dụng chứng chỉ FSC.

Bảng 3. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của các nước vào Châu Âu

Nội dung	Thái Lan	Malaysia	Indonesia	Trung Quốc
KNXK sang EU năm 2011	11% (€0.186 tỷ)	11% (€0.65 tỷ)	10% (€0.8 tỷ)	40% (€4.7 tỷ)
VPA (2013)	Mới đàm phán	Đang đàm phán	Đã ký	BCM
TLAS (2013)	Chưa có	MYTLAS	SVLK	Chưa có
Chứng chỉ sử dụng để đáp ứng EUTR	FSC	FSC, MTCS/PEFC	FSC	FSC

Nguồn: Forest Trends 2013.

Ghi chú: MTCS: The Malaysian Timber Certification Scheme

PEFC: Programme for the Endorsement of Forest Certification schemes

BCM: Bilateral Coordination Mechanism

Tại Malaysia, Hội Đồng Chứng Nhận Gỗ Malaysia (MTCC)⁴ là một tổ chức độc lập, có trách nhiệm xây dựng và điều hành Hệ Thống Cấp Chứng Chỉ Gỗ Malaysia (MTCS)⁵. Hệ thống cấp chứng chỉ MTCS tiến hành đánh giá độc lập để đảm bảo rừng trồng và rừng tự nhiên tại Malaysia được quản lý bền vững mà vẫn đáp ứng nhu cầu gỗ có chứng chỉ tại Malaysia. Trước ngày 11/8/2011, gỗ cao su được MTCC xác nhận, sau này chuyển cho Ban Công Nghiệp Gỗ Malaysia (MTIB)⁶ xác nhận. Tuy nhiên việc xác nhận gỗ cao su của MTIB và MTCC chỉ cung cấp thông

⁴ MTCC: Malaysian Timber Certification Council

⁵ MTCS: Malaysian Timber Certification Scheme

⁶ MTIB: Malaysia Timber Industry Board

tin về việc trồng, tái canh và hiệu quả sản xuất mủ mà không cung cấp được các thông tin đảm bảo tính bền vững khi khai thác gỗ cao su nên không thể tuân thủ các yêu cầu để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Do vậy, Malaysia hiện cũng đang hoàn thiện hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (MYTLAS) để xác nhận tính hợp pháp cho gỗ cao su. Hệ thống MYTLAS hiện đang thử nghiệm và Malaysia cũng đang đàm phán với Châu Âu để ký Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) (Bảng 3)⁷.

Indonesia, mặc dù ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su không phát triển, nhưng hàng năm vẫn xuất khẩu gỗ và đồ gỗ sang thị trường Châu Âu với kim ngạch khoảng 1 tỷ USD/năm, chiếm 10% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả nước. Indonesia, do vậy, đã kết thúc đàm phán và ký hiệp định VPA với Liên Minh Châu Âu. Hiện tại, Indonesia đang trong giai đoạn áp dụng hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ SVLK và tiến hành chỉnh sửa các quy định bất hợp lý để hoàn thiện hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ.

Trung Quốc là một trong những nước dẫn đầu về kim ngạch xuất-nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Trung Quốc sang thị trường Châu Âu tương đối lớn và Trung Quốc nhập khẩu nguyên liệu từ nhiều nước khác nhau. Trung Quốc đã gắn kết vào chương trình FLEGT với Châu Âu thông qua Cơ chế Điều Phối Song Phương (Bilateral Coordination Mechanism) từ năm 2009. Thông qua cơ chế này, Trung Quốc sẽ tham gia các hoạt động nhằm giảm thiểu việc khai thác và buôn bán gỗ bất hợp pháp trên toàn cầu để tăng cường phát triển bền vững theo hướng kinh tế, xã hội và môi trường phù hợp với các quy luật phát triển⁸. Theo đó Trung Quốc cam kết sẽ nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hợp pháp theo quy định của các nước sở tại⁹.

Bối cảnh tại Việt Nam

Diện tích và lượng gỗ cao su qua các thời kỳ

Vào thập kỷ 90, sau khi Việt Nam bắt đầu mở cửa và áp dụng các chính sách đổi mới, diện tích cao su đã được mở rộng ở nhiều tỉnh. Năm 1995, diện tích cao su đạt 278,4 ngàn ha, tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên và Miền Đông Nam Bộ. Một số tỉnh ở Bắc Trung Bộ cũng trồng cao su nhưng diện tích không đáng kể. Đến năm 2000, cây cao su bắt đầu được phát triển ở các tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Năm 2006, cao su đã được trồng ở nhiều tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, tổng diện tích đạt 522,2 ngàn ha. Sau năm 2009, Chính Phủ Việt Nam có chính sách chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt sang trồng cao su. Cây cao su do vậy đã được mở rộng diện tích ở nhiều tỉnh trong đó có cả các tỉnh miền núi nằm ở vùng Tây Bắc và Đông Bắc (Hình 2). Theo số liệu thống kê, đến cuối năm 2013, tổng diện tích cao su đã đạt 955,7 ngàn ha. Diện tích Cao su do vậy có thể sẽ đạt ngưỡng 1 triệu ha trong giai đoạn 2015-2020 (Ngô, 2013). Như vậy, diện tích cao su tăng gần gấp đôi kể từ năm 2006 trở lại đây và gần gấp 4 lần so với năm 1995. Trong đó, diện tích đất rừng chuyển đổi trồng cao su chiếm 260.880 ha¹⁰, chiếm khoảng 27% tổng diện tích cao su, phần diện tích trồng cao su còn lại chủ yếu nằm trên đất nông nghiệp trồng cây lâu năm được quy hoạch trước khi thực hiện chính sách chuyển đổi rừng tự nhiên.

Theo quy trình trồng cao su lấy mủ, cây cao su bắt đầu cho mủ vào năm thứ 5 sau khi trồng. Thời gian cho thu hoạch mủ kéo dài từ 15 đến 20 năm có thể lên đến 25-30 năm tùy thuộc vào điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu từng vùng. Cao su sau khi trồng 25 năm, khi hiệu quả kinh tế xuống thấp, sẽ phải thanh lý để tái canh trồng mới. Khi thanh lý, gỗ cao su trở thành nguồn nguyên liệu đầu vào cho ngành chế biến gỗ.

⁷ <http://www.mtcc.com.my/news-items/clarification-on-statement-on-rubberwood-products-issued-by-mtib-2>

⁸ <http://www.illegal-logging.info/content/eu-china-bilateral-coordination-mechanism-forest-law-enforcement-and-governance>

⁹ http://www.euflegt.efi.int/news/-/asset_publisher/VoA92AEdZlro/content/china-and-vpa-countries-share-experiences-stopping-illegal-trade-in-timber

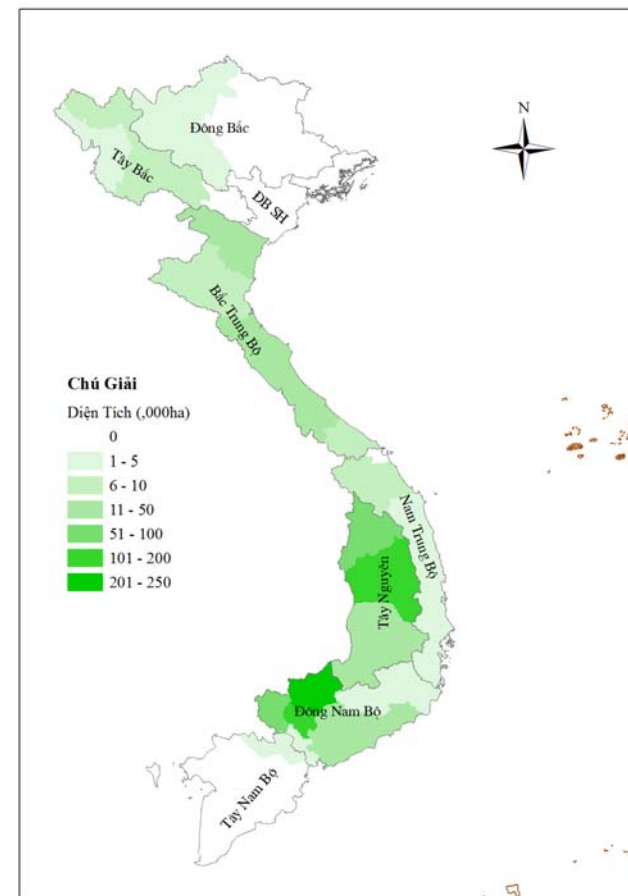
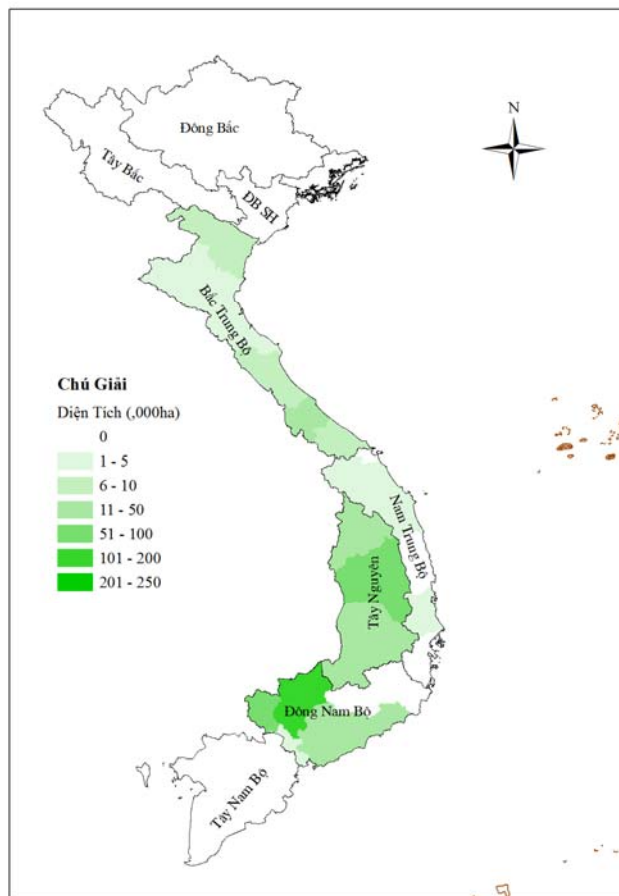
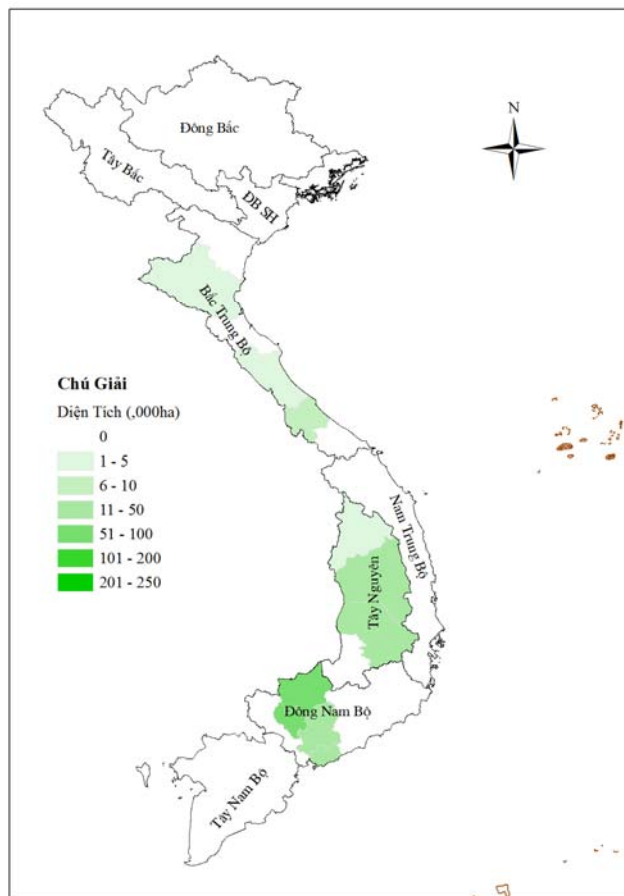
¹⁰ Thông tin do Hiệp Hội Gỗ và Lâm Sản Việt Nam cung cấp, được tổng hợp từ các tài liệu có liên quan thông qua Tổng Cục Lâm Nghiệp – Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.

Hình 2. Các vùng trồng cao su tại Việt Nam qua các thời kỳ

Năm 1996

Năm 2006

Năm 2012



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê, 2013; Agroviet.gov.vn

Theo tác giả Trần Thị Thúy Hoa, trước năm 2005, diện tích cao su thanh lý thấp, hàng năm chỉ cung cấp được khoảng 100-120 ngàn m³ gỗ xẻ. Việt Nam thường xuyên phải nhập gỗ cao su từ nước ngoài. Năm 2005, Việt Nam nhập 300.973 m³ gỗ cao su nguyên liệu với tổng kim ngạch nhập khẩu là 64,179 triệu USD, chủ yếu từ Campuchia chiếm 80% tổng lượng gỗ cao su nhập khẩu, Thái Lan 9% và Malaysia 7% (Trần, 2006). Tuy nhiên trong những năm gần đây, lượng gỗ nguyên liệu cao su nhập khẩu đã giảm do diện tích cao su thanh lý tăng dần hàng năm. Năm 2009, Việt Nam nhập khẩu 132 ngàn m³ đến năm 2010 lượng gỗ cao su nhập chỉ còn 84 ngàn m³ và lượng gỗ cao su nhập trong năm 2012-2013 là không đáng kể¹¹.

Từ năm 2010 đến nay, diện tích cao su trồng trong giai đoạn 1980-1990 đang dần dần được thanh lý. Theo số liệu thống kê, năm 2010 Việt Nam thanh lý khoảng 10.000 ha để tái canh trồng mới. Năm 2015 con số này có thể đạt mức 13.400 ha. Theo ước tính, diện tích cao su thanh lý sẽ tăng dần qua các năm và đạt mức 30-40 ngàn ha/năm sau năm 2030 nếu diện tích ổn định ở mức 1 triệu ha trong giai đoạn 2015-2020 (Bảng 4).

Với diện tích thanh lý hiện tại (khoảng 13 ngàn ha/năm), trung bình hàng năm ngành cao su cung ứng hơn 2 triệu m³ gỗ nguyên liệu trong đó có hơn 1 triệu m³ là gỗ xẻ làm nguyên liệu đầu vào phục vụ ngành sản xuất đồ gỗ như đồ gỗ ngoài trời, đồ mộc gia dụng. Theo ước tính diện tích cao su thanh lý có thể sẽ tăng qua các năm nên lượng gỗ nguyên liệu cung ứng từ các vườn cao su thanh lý có thể sẽ tăng lên 3 triệu m³ trong giai đoạn 2020-2025 và đạt mức 6 triệu m³ vào năm 2030 (Bảng 1).

Bảng 4. Diện tích cao su thanh lý và khối lượng gỗ cao su nguyên liệu qua các thời kỳ.

Năm	Tổng diện tích	Diện tích trồng mới sau 5 năm	Ước tính diện tích thanh lý hàng năm	Tổng khối lượng gỗ + củi (Thân + cành) (200m ³ /ha)	Tổng khối lượng gỗ tròn (120m ³ /ha)	Tổng khối lượng gỗ sơ chế (84m ³ /ha)	Tổng khối lượng gỗ xẻ tinh chế (30m ³ /ha)
	(,000ha)	(,000ha)	(,000ha/năm)	(,000m ³ /năm)	(,000m ³ /năm)	(,000m ³ /năm)	(,000m ³ /năm)
1976	76,6	-	-	-	-	-	-
1980	87,7	11,1	-	-	-	-	-
1985	180,2	92,5	-	-	-	-	-
1990	221,7	41,5	-	-	-	-	-
1995	278,4	56,7	-	-	-	-	-
2000	412,0	133,6	-	-	-	-	-
2005	482,7	70,7	4,7	940	564	395	141
2010	740,0	257,3	10,36	2.072	1.243	870	311
2015	1.000,0	260,0	13,40	2.680	1.608	1.126	402
2020	-	-	15,45	3.091	1.854	1.298	464
2025	-	-	17,40	3.480	2.088	1.462	522
2030	-	-	30,77	6.155	3.693	2.585	923
2035	-	-	39,20	7.840	4.704	3.293	1.176

Nguồn: Trần, 2009; agroviet.gov.vn; VRG; ANRPC.

¹¹ Thông tin khảo sát do Hiệp Hội Cao Su cung cấp năm 2014.

Các thuật ngữ theo quy định pháp lý trong ngành lâm nghiệp Việt Nam

Đất rừng: Theo Luật Đất đai năm 2003, đất ở Việt Nam được phân loại thành 3 nhóm: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa xác định mục đích sử dụng. Đất nông nghiệp bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất rừng và các loại đất nông nghiệp khác. Do vậy, đất rừng trồng cao su trong báo cáo là diện tích được phân loại theo Điều 13, Luật đất đai năm 2003, và Điều 10, Luật Đất đai năm 2013.

Rừng: Theo Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng năm 2004, rừng được hiểu “là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng”.

Rừng trồng tập trung: Theo thông tư 35/ 2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ thì rừng trồng tập trung là “những khu rừng trồng, nếu trồng tách biệt với các khu rừng khác thì phải có diện tích tập trung từ 0,5 ha trở lên và có dải cây rừng chiều rộng tối thiểu 20m với từ 3 hàng cây trở lên”

Rừng cao su: Theo khái niệm rừng trong Luật Bảo vệ và Phát triển rừng thì cây cao su trồng trên đất rừng sẽ được hiểu là rừng cao su vì cây cao su (*Hevea brasiliensis*) là cây thân gỗ, thường được trồng tập trung và có độ che phủ lớn hơn 0,1 khi cây bắt đầu khép tán. Rừng cao su diện tích lớn hơn hoặc bằng 0,5 ha và có chiều rộng dải cây lớn hơn 20m với hơn 3 hàng cây sẽ được hiểu là rừng cao su trồng tập trung theo Thông tư 35/ 2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

Do vậy, cao su được trồng trên các loại đất khác (không phải là đất rừng hoặc không đủ tiêu chuẩn để phân loại thành rừng) có thể được hiểu là vườn cây cao su hoặc trang trại cao su theo hướng dẫn tại Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 và Thông Tư 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Bảng kê lâm sản là bảng danh mục lâm sản trong cùng một lần nghiệm thu, mua bán, xuất, nhập hoặc lâm sản vận chuyển trên một phương tiện theo đúng quy định tại mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc gỗ.

Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản là sổ ghi chép lâm sản nhập, xuất của tổ chức khai thác, chế biến, kinh doanh lâm sản theo đúng quy định tại mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc gỗ.

Vận chuyển nội bộ là trường hợp gỗ cao su được vận chuyển giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc (như lâm trường, các công ty, nhà máy chế biến, các chi nhánh, cửa hàng) trong một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập; hoặc trường hợp gỗ cao su được vận chuyển từ doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập đến các tổ chức hạch toán phụ thuộc và ngược lại. Trường hợp tổ chức cá nhân mua gỗ cao su theo hình thức mua cây đứng, việc vận chuyển từ bãi gỗ khai thác về kho hàng hoặc cơ sở chế biến của mình cũng là vận chuyển nội bộ (Thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT).

Tiến trình đàm phán Hiệp định Đối tác Tự nguyện của Việt Nam với Liên minh Châu Âu

Việt Nam bắt đầu đàm phán Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) với Liên minh Châu Âu trong khuôn khổ Chương trình Củng cố thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại gỗ (FLEGT) từ tháng 05 năm 2010. Cho đến nay, tiến trình đàm phán đang đi đến giai đoạn kết thúc. Việt Nam đã dự thảo Định nghĩa Gỗ hợp pháp (LD) và Hệ thống Đảm bảo Tính hợp pháp của gỗ (TLAS) để phục vụ Hiệp định. LD và TLAS dự kiến sẽ được áp dụng cho các loại gỗ được liệt kê trong phụ lục 1 của Hiệp định, trong đó có gỗ cao su. Do vậy, gỗ cao su, sau khi Hiệp định được ký kết, thực hiện và đủ tiêu chuẩn để cấp phép FLEGT, sẽ là một trong những mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ được xuất khẩu vào thị trường Châu Âu mà không cần quan tâm đến Quy định về gỗ của EU (EUTR) có hiệu lực thi hành từ tháng 3 năm 2013.

Kết quả khảo sát

Chuỗi cung ứng gỗ cao su

Diện tích cao su ở Việt Nam được quản lý dưới hai hình thức: tư nhân và quốc doanh. Cao su quốc doanh do các công ty thuộc Tập Đoàn Cao Su, các công ty quân đội và địa phương quản lý. Phần lớn diện tích cao su này được trồng dưới hình thức đại điền. Cao su tư nhân do các công ty tư nhân và hộ gia đình trồng, chăm sóc và khai thác mủ. Diện tích cao su của các hộ gia đình chủ yếu được trồng dưới hình thức cao su tiểu điền (Nguyễn, 2007). Theo số liệu thống kê, diện tích cao su đại điền hiện tại chiếm 44,4% tổng diện tích cao su trên toàn quốc, cao su tiểu điền 49,3% tổng diện tích, còn lại là diện tích cao su của các công ty tư nhân chiếm 6,4% (TVS, 2014). Tại Bình Phước và Kon Tum, diện tích cao su của các hộ gia đình chiếm 58% và 39% diện tích cao su của tỉnh, phần diện tích còn lại là của các công ty (quốc doanh và tư nhân) (Bảng 5).

Bảng 5. Diện tích cao su tại Bình Phước và Kon Tum năm 2013

	Bình Phước		Kon Tum	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Công ty quốc doanh	78,037	34	29,403	40
Công ty tư nhân	18,429	8	15,193	21
Hộ Gia Đình	134,120	58	28,273	39
Tổng diện tích cao su (ha)	230,586	100	72,870	100

Nguồn: Chi Cục Lâm Nghiệp tỉnh Bình Phước, Sở NNPTNT tỉnh Kon Tum và Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam

Do cao su của các hộ gia đình chưa đến kỳ thanh lý nên lượng gỗ cao su tại Việt Nam hiện tại chủ yếu thanh lý từ vườn cây cao su của các công ty trực thuộc Tập Đoàn Cao Su Việt Nam trồng từ những năm 1980-1985. Gỗ cao su của các công ty trực thuộc tỉnh và gỗ cao su hộ gia đình chiếm một phần nhỏ từ vườn cao su nằm trong diện tích đất có kế hoạch thu hồi phục vụ việc xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa phương hoặc vườn cao su có hiệu quả kinh tế không cao cần phải tái canh trồng mới. Một số được tận thu từ những cây bị gãy, đổ. Lượng gỗ nguyên liệu từ diện tích cao su của các hộ gia đình và các công ty do địa phương quản lý sẽ tăng dần trong những năm tới vì các diện tích cao su này được khuyến khích phát triển từ sau năm 1990 (Trần, 2008). Đến nay, diện tích này đã bắt đầu đến thời kỳ thanh lý. Gỗ cao su, hiện tại và tương lai, sẽ xuất phát từ 4 nguồn, theo Hình 3 mô tả như sau:

1. Gỗ cao su thanh lý của các công ty do Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam (VRG) quản lý
2. Gỗ cao su thanh lý của các công ty do địa phương và các cơ quan quân đội quản lý
3. Gỗ cao su của hộ gia đình và của các công ty tư nhân
4. Gỗ cao su nhập khẩu.

Theo kết quả khảo sát, trong tổng lượng gỗ cao su thanh lý, hiện tại nhiều nhất thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam. Năm 2013, Tập Đoàn VRG thanh lý hơn 12 ngàn ha cao su chiếm 90% trong tổng số diện tích tái canh. 10% còn lại là gỗ cao su của hộ gia đình và gỗ cao su thanh lý của các công ty do địa phương quản lý. Lượng gỗ cao su nhập khẩu có thể tồn tại dưới hai dạng: gỗ xẻ và gỗ tròn. Kết quả phỏng vấn tại Bình Phước cho thấy gỗ cao su từ Campuchia nhập về Bình Phước hầu như không có. Tuy nhiên, theo ý kiến của ông Trần Hữu Loan, Giám Đốc Công Ty Chế Biến Gỗ Đồng Phú, gỗ cao su, sau này, có thể được nhập từ Campuchia vào Bình Phước dưới dạng gỗ tròn để sơ chế thành gỗ xẻ sau đó xuất khẩu sang Trung Quốc. Các tỉnh bên kia biên giới Campuchia không có nhà máy sơ chế trong khi gỗ cao su không thể để lâu và vận chuyển xa vì cần phải ngâm và tẩm hóa chất để xử lý mủ trước khi đưa vào sản xuất. Do vậy, gỗ cao su có thể được nhập khẩu vào Bình Phước để sơ chế sau đó xuất khẩu sang Trung Quốc.

Tối thiểu 30% lượng gỗ cao su thanh lý của Tập Đoàn (VRG), theo quy định, sẽ được bán đấu giá để xác định giá cho 70% lượng gỗ cao su ưu tiên bán cho các công ty chế biến gỗ của tập đoàn VRG. Lượng gỗ cao su thanh lý của các công ty do địa phương quản lý được tổ chức bán đấu giá 100%. Gỗ cao su tiểu điền của các hộ gia đình và của

công ty tư nhân được bán theo giá hợp đồng thỏa thuận với các cơ sở khai thác gỗ cao su. Các cơ sở khai thác có thể là các công ty tư nhân hoặc công ty/nhà máy chế biến gỗ có đăng ký kinh doanh khai thác gỗ (Hình 3).

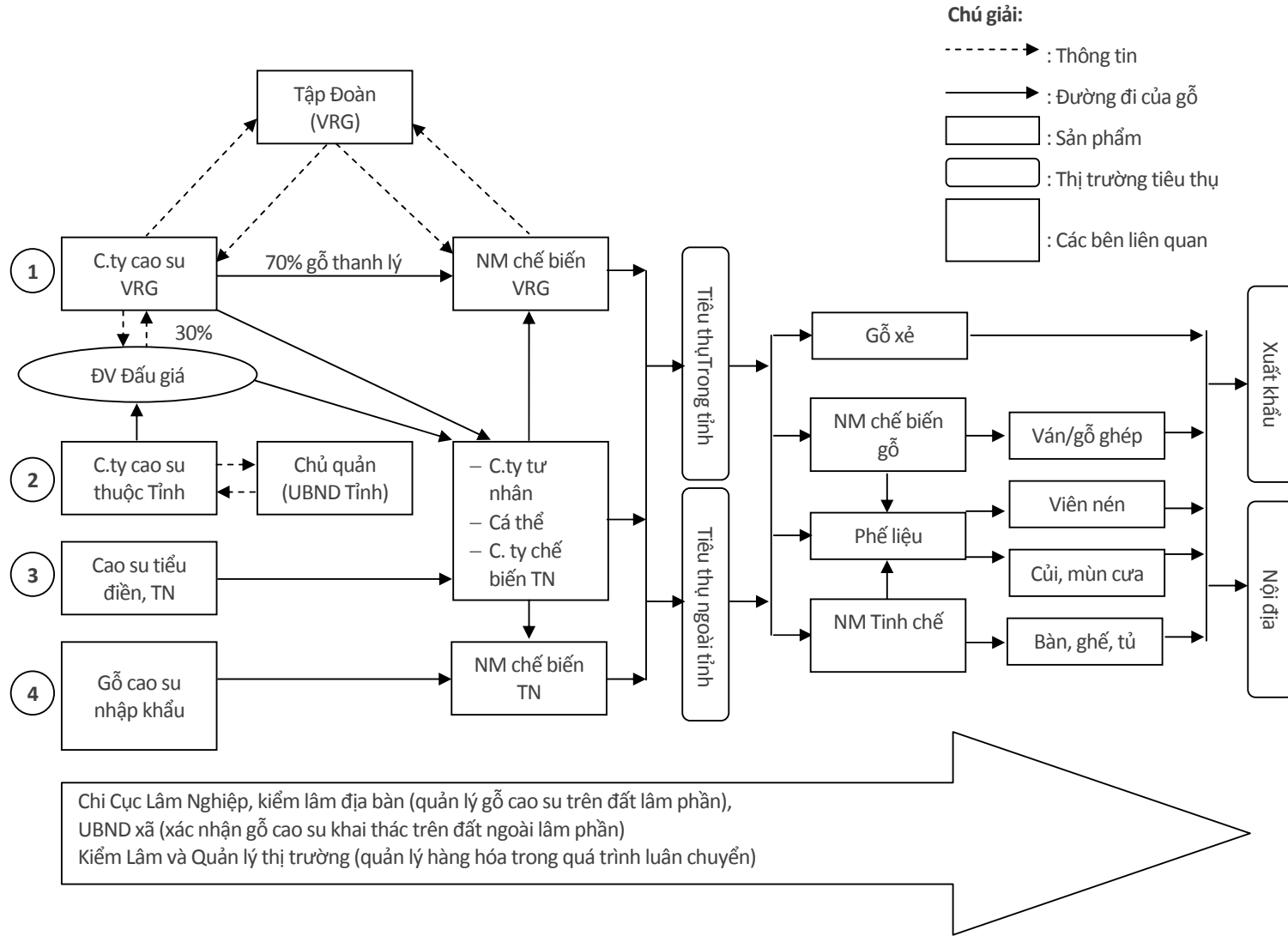
Gỗ cao su, sau khi khai thác, có thể được tiêu thụ trong tỉnh hoặc vận chuyển sang tỉnh khác để sơ chế. Tại tỉnh Bình Phước có 4 nhà máy chế biến gỗ cao su. Gỗ cao su khai thác tại Bình Phước một phần được sơ chế tại những nhà máy trên địa bàn tỉnh, phần còn lại được bán cho các cơ sở chế biến tại Bình Dương. Tại Kon Tum, do không có nhà máy sơ chế trên địa bàn tỉnh nên gỗ nguyên liệu được bán trực tiếp cho các cơ sở sơ chế tại Gia Lai, HCMC và Bình Dương (Hình 3).

Gỗ cao su sau khi được sơ chế thành gỗ xẻ, một phần được xuất khẩu sang Trung Quốc, một phần được tiêu thụ nội địa. Ví dụ như trường hợp của công ty Chế Biến Gỗ Đồng Phú tại Bình Phước: 70% lượng gỗ cao su sơ chế xuất khẩu đi Trung Quốc và 30% lượng gỗ còn lại được tiêu thụ nội địa. Gỗ cao su sơ chế tiêu thụ nội địa được bán cho các cơ sở tinh chế để sản xuất gỗ ghép thanh như Công Ty TNHH Gỗ Nam Mỹ; sản xuất bàn, ghế và đồ gỗ ngoài trời như Công Ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Thuận An. Các sản phẩm gỗ tinh chế sử dụng gỗ cao su làm nguyên liệu của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thuận An chủ yếu xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Mỹ, Úc (80%), còn một lượng nhỏ hơn được bán tại thị trường nội địa (20%). Công Ty TNHH Gỗ Nam Mỹ chủ yếu xuất khẩu gỗ cao su ghép thanh sang các thị trường Châu Âu, Nhật và Mỹ.

Trong quá trình sơ và tinh chế gỗ cao su, một phần gỗ sẽ trở thành phế liệu bao gồm củi và mùn cưa. Theo kết quả khảo sát. Một phần lượng phế liệu của các cơ sở chế biến gỗ cao su được sử dụng để sản xuất viên nén năng lượng (viên củi) để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Phần còn lại được bán trực tiếp cho các cơ sở sản xuất khác nhau, trên địa bàn tỉnh, làm nhiên liệu để đốt lò.

Nhìn chung, gỗ cao su sau khi khai thác sẽ được sơ chế thành gỗ xẻ để sản xuất đồ mộc, đồ gỗ ngoài trời, ván và gỗ ghép thanh, phần phế liệu được sử dụng để sản xuất viên nén năng lượng. Phần lớn gỗ và sản phẩm gỗ cao su được xuất khẩu ra nước ngoài. Do vậy, gỗ cao su sẽ được luân chuyển qua tất cả các khâu từ khai thác, vận chuyển, chế biến đến xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản.

Hình 3. Chuỗi cung ứng gỗ cao su



Thủ tục thanh lý bán đấu giá vườn cây cao su

Gỗ cao su của các công ty quốc doanh, trước khi tham gia vào chuỗi cung ứng, phải qua các thủ tục thanh lý và đấu giá theo các quy định hiện hành. Các công ty cao su trực thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam (VRG) quản lý sẽ phải tuân thủ quy chế thanh lý vườn cao su theo Quyết Định số 08/QĐ-HĐQTCSVN ban hành ngày 8/1/2009 về việc bán gỗ cao su thanh lý, Quyết định 129/QĐ-HĐTVCSVN ngày 21/03/2011 về việc thanh lý và nhượng bán tài sản trong VRG và Quyết định 457/QĐ-CSVN ngày 17/07/2012 về thanh lý rải vụ vườn cây cao su. Việc thanh lý và bán gỗ cao su của VRG được thực hiện theo các bước sau:

1. **Kế hoạch thanh lý:** Theo quy chế của VRG, hàng năm các công ty cao su phải gửi bản đề xuất kế hoạch thanh lý vườn cao su và các cơ sở chế biến gỗ phải đăng ký sản lượng vào tháng 6 để Tập Đoàn lập kế hoạch thanh lý vườn cao su và phân bổ gỗ cao su nguyên liệu cho các cơ sở chế biến trong năm tiếp theo. Dựa vào nhu cầu của các công ty, VRG sẽ cân đối cung – cầu sau đó xây dựng kế hoạch thanh lý và phân bổ gỗ cao su cho từng công ty thành viên. Quyết định thanh lý vườn cây cao su sẽ được gửi cho các công ty thành viên có nhu cầu thanh lý vườn cao su.
2. **Lập hồ sơ thanh lý vườn cao su:** Sau khi nhận được Quyết Định thanh lý vườn cao su, đến từng kỳ thanh lý, các công ty cao su sẽ tiến hành khảo sát vườn cao su và lập hồ sơ thanh lý gỗ cao su để trình Tập Đoàn. Tập đoàn sẽ nghiên cứu và quyết định phê duyệt hồ sơ thanh lý vườn cây cao su của các công ty thành viên. Hồ sơ thanh lý vườn cây cao su bao gồm diện tích thanh lý, giá khởi điểm và trữ lượng gỗ của vườn cây cao su thanh lý. Theo kết quả khảo sát tại Công Ty TNHH MTV Phú Riềng, trữ lượng vườn cao su thanh lý được tính thông qua khảo sát đo đếm thực tế (số lượng và chu vi của thân cây), giá khởi điểm của vườn cây cao su được ước tính thông qua khảo sát giá gỗ cao su trên thị trường.
3. **Tổ chức bán đấu giá:** Khi nhận được hồ sơ thanh lý vườn cây cao su của các công ty thành viên, Hội Đồng Thành Viên của Tập Đoàn sẽ thảo luận để phê duyệt giá khởi điểm và phương thức bán gỗ cao su thanh lý trong đó có 2 hình thức bán: bán đấu giá và bán phân bổ cho các công ty thành viên. Sau khi nhận được văn bản phê duyệt giá khởi điểm và phương thức bán gỗ cao su, công ty cao su thành viên sẽ chọn vườn cây cao su để tổ chức bán đấu giá công khai theo Nghị Định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính Phủ về việc bán đấu giá tài sản và Thông Tư 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về việc bán đấu giá tài sản. Thông thường các công ty thành viên sẽ ký hợp đồng thuê công ty hoặc trung tâm dịch vụ đấu giá của tỉnh để tổ chức bán đấu giá theo quy định của chính phủ. Sau khi xác định được người mua vườn cây cao su thông qua đấu giá, công ty sẽ ký hợp đồng bán vườn cây cao su thanh lý và xuất hóa đơn cho người mua theo hợp đồng ký kết. Người mua sẽ chịu trách nhiệm khai thác vườn cây cao su thanh lý theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng. Cơ quan kiểm lâm hầu như không tham gia vào quá trình này.
4. **Bán vườn cây cao su theo kế hoạch phân bổ của Tập Đoàn VRG (bán vườn cây cao su trong nội bộ VRG):** Sau khi đã tổ chức thành công bán đấu giá 30% diện tích cao su thanh lý, công ty sẽ áp dụng giá bán đó đối với 70% diện tích còn lại theo kế hoạch phân bổ của Tập Đoàn VRG. Việc bán vườn cây cao su theo chính sách phân bổ của VRG cũng theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai công ty với giá bán được ấn định từ các phiên đấu giá. Công ty mua vườn cây cao su thanh lý sẽ chịu trách nhiệm khai thác và vận chuyển theo hợp đồng. Công ty bán vườn cây cao su thanh lý cũng sẽ xuất hóa đơn theo hợp đồng. Cơ quan kiểm lâm cũng không tham gia trong quá trình khai thác, vận chuyển gỗ cao su được khai thác theo các hợp đồng này.

Đối với việc thanh lý vườn cây cao su của các công ty do địa phương quản lý, quy trình rút ngắn hơn vì công ty không phải lập kế hoạch thanh lý mà chỉ lập hồ sơ thanh lý và bán vườn cao su theo quy định đấu giá tài sản của nhà nước (Nghị Định 17/2010/NĐ-CP và Thông Tư 23/2010/TT-BTP). Theo kết quả khảo sát tại Bình Phước, quy trình thanh lý vườn cây cao su của công ty trực thuộc UBND Tỉnh diễn ra như sau:

1. **Lập hồ sơ thanh lý vườn cao su:** Khi công ty có nhu cầu thanh lý vườn cao su do hết chu kỳ kinh doanh hoặc nằm trong quy hoạch, công ty sẽ thuê người hoặc trả thêm tiền công cho công nhân để đo kích thước và đếm số lượng cây, tính mật độ, lập sơ đồ, tính độ tuổi để từ đó ước tính trữ lượng gỗ cao su của vườn cây thanh lý. Sau khi nghiệm thu việc khảo sát vườn cây cao su, công ty sẽ gửi hồ sơ đến trung tâm thẩm định giá. Trung tâm thẩm định giá sẽ quyết định giá bán dựa vào kết quả khảo sát như chu vi của thân cây, mật độ cây... Khi có giá bán, công ty sẽ gửi hồ sơ đến sở Tài Chính. Sở Tài Chính sẽ dựa vào kết quả khảo sát và giá bán để trình cơ quan chủ quản (ví dụ: Tỉnh Ủy hoặc UBND Tỉnh). Cơ quan chủ quản là nơi quyết định thanh lý vườn cao su.
2. **Bán đấu giá vườn cao su thanh lý:** Sau khi nhận được công văn của cơ quan chủ quản cho phép công ty thanh lý vườn cây cao su, công ty cao su gửi hồ sơ đến Trung Tâm Dịch Vụ Bán Đấu Giá Tài Sản (BĐGTS) của tỉnh để ký hợp đồng ủy quyền cho Trung Tâm Dịch Vụ BĐGTS tổ chức bán đấu giá và ký hợp đồng bán vườn cây cao su thanh lý. Việc tổ chức bán đấu giá được tổ chức công khai theo Nghị Định 17/2010/NĐ-CP và Thông Tư 23/2010/TT-BTP. Sau khi xác định được người mua vườn cây cao su thông qua đấu giá, Trung Tâm Dịch Vụ BĐGTS sẽ ký hợp đồng với người mua vườn cây cao su, trong đó có bên bán là công ty thanh lý vườn cây cao su. Bên mua sẽ chịu trách nhiệm chuyển tiền cho bên bán và chịu trách nhiệm khai thác vườn cao su theo các điều khoản quy định trong hợp đồng. Sau khi bên mua chuyển tiền, bên bán sẽ bàn giao vườn cây cao su thanh lý cho bên mua để tổ chức khai thác và xuất hóa đơn cho phần gỗ cao su khai thác được.

Bảng chứng pháp lý của gỗ cao su

Trên thực tế chưa có một nghiên cứu nào tổng hợp các loại văn bản quy phạm pháp luật quy định tính pháp lý của gỗ cao su. Theo kết quả khảo sát thực tế, gỗ cao su vẫn đảm bảo được các bằng chứng về nguồn gốc từ khâu khai thác, vận chuyển, chế biến đến khi xuất khẩu.

Khai thác

Đối với khâu khai thác gỗ cao su, theo định nghĩa gỗ hợp pháp hiện đang được soạn thảo phục vụ Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) thì cơ sở khai thác gỗ cao su sẽ phải tuân thủ các quy định pháp lý về quyền sử dụng đất, phải có các bằng chứng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao đất, quyết định thuê đất hoặc một trong các giấy tờ theo quy định tại Điều 50 Luật Đất Đai năm 2003.

Trên thực tế, diện tích đất trồng cao su tại hai Tỉnh Kon Tum và Bình Phước nằm trên cả đất rừng và các loại đất khác (**Error! Reference source not found.**). Trong đó, diện tích ngoài đất rừng chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Diện tích cao su nằm trên đất sản xuất nông nghiệp của các công ty hầu hết đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất nông nghiệp trồng cao su của các hộ gia đình hiện đang trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ). Tại Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum, đến ngày 28/02/2014 UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho 19.214 ha trong tổng diện tích 51.226 ha đất sản xuất nông nghiệp cần cấp giấy chứng nhận QSDĐ (UBND huyện Sa Thầy, 2014).

Bảng 6. Diện tích trồng cao su trong và ngoài đất rừng tại Bình Phước và KonTum

	Bình Phước		Kon Tum	
	Ngoài đất rừng (ha)	Đất rừng (ha)	Ngoài đất rừng (ha)	Đất rừng (ha)
Công Ty	43.340	54.591	17.053	27.543
Hộ Gia đình	122.054	12.000*	28.273	-
Tổng số	165.394	66.591	45.326	27.543

Nguồn: Chi Cục Lâm Nghiệp Tỉnh Bình Phước và Sở NNPTNT tỉnh KonTum
 “*”: Số liệu ước tính (trong buổi họp với Chi Cục Lâm Nghiệp Tỉnh Bình Phước)
 “-”: Số liệu chưa thống kê

Đất rừng trồng cao su của các công ty đều nằm trong diện tích đất rừng nghèo kiệt chuyển đổi trồng cao su theo chủ trương của UBND Tỉnh. Tại Kon Tum, các công ty đã trồng được 27.543 ha. Tại Bình Phước, diện tích này là

54.591 ha. Các công ty đều có văn bản bàn giao đất để trồng cao su làm căn cứ pháp lý cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Các công ty do vậy đều tuân thủ quy định pháp lý về quyền sử dụng đất đối với diện tích trồng cao su trên đất rừng.

Diện tích cao su của các hộ gia đình trồng trên đất rừng tại tỉnh Bình Phước theo ước tính khoảng 12.000 ha. Diện tích này chủ yếu là đất “xâm canh”¹² của các hộ gia đình do vậy chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Theo kết quả khảo sát, đối với diện tích đất xâm canh, UBND Tỉnh đang có chủ trương cấp giấy Sở Đò cho các hộ gia đình là đồng báo dân tộc thiểu số đã định cư lâu dài và hợp đồng thuê đất với các hộ gia đình di cư từ nơi khác đến. Trên địa bàn tỉnh Kon Tum, diện tích trồng cao su trên đất rừng của các hộ gia đình chủ yếu là diện tích lấn chiếm, do vậy cũng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Hiện tại chưa có số liệu thống kê về diện tích này và chính quyền địa phương ở một số nơi đã yêu cầu những hộ gia đình trồng cao su trên diện tích đất lấn chiếm không được mở rộng diện tích. Ví dụ tại xã Sa Nhơn thuộc huyện Sa Thầy, diện tích này chiếm khoảng 10ha và UBND xã đã lập biên bản xử phạt hành chính đồng thời yêu cầu hộ gia đình không mở rộng diện tích lấn chiếm.

Theo kết quả khảo sát, đối với diện tích cao su của các hộ gia đình nằm ngoài đất rừng, UBND xã có đủ điều kiện để xác nhận diện tích, vị trí và chủ sở hữu vườn cao su. Đây là căn cứ để cơ sở khai thác chứng minh nguồn gốc gỗ và tuân thủ quy định pháp lý về quyền sử dụng đất. Đối với cao su của các hộ gia đình trồng trên đất rừng, khi khai thác, theo ý kiến của Chi Cục Lâm Nghiệp Tỉnh Bình Phước, nên có ý kiến của cơ quan lâm nghiệp để đảm bảo diện tích rừng trên địa bàn tỉnh được ổn định. Diện tích cao su của các công ty trồng trên các loại đất khác (không phải đất rừng), khi khai thác gỗ, không cần thiết phải có xác nhận của UBND xã và cán bộ kiểm lâm vì đã có hợp đồng kèm theo sơ đồ kiểm kê vườn cao su trong đó có vị trí, địa điểm và hóa đơn GTGT làm bằng chứng pháp lý để khai thác gỗ cao su.

Chính vì vậy, để đảm bảo gỗ cao su được khai thác hợp pháp, ngoài giấy phép đăng ký kinh doanh ký kinh doanh, các đơn vị khai thác còn có các bằng chứng khác như chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán, hồ sơ thanh lý vườn cao su, hóa đơn tài chính và biên lai thuế (Bảng 7)

Bảng 7. Bảng chứng pháp lý khai thác gỗ cao su

	Vườn/trang trại cao su	Rừng cao su
Công Ty	Đăng ký ngành nghề khai thác gỗ	Đăng ký ngành nghề khai thác gỗ
	Giấy chứng nhận QSDĐ	QĐ bàn giao mặt bằng/CN QSDĐ
	Hợp đồng mua bán	Hợp đồng mua bán
	Hồ sơ thanh lý đấu giá vườn cây CS	Hồ sơ thanh lý và đấu giá vườn cây CS
	Hóa đơn tài chính/GTGT	Hóa đơn tài chính
		Quyết định của Sở NN&PTNT hoặc cơ quan chủ quản nằm ngoài tỉnh*
Hộ Gia đình	Đăng ký ngành nghề khai thác gỗ	Đăng ký ngành nghề khai thác gỗ
	Hợp đồng thuê đất/CN QSDĐ	Hợp đồng thuê đất/CN QSDĐ
	Hợp đồng mua bán	Hợp đồng mua bán
	Hóa đơn tài chính/Biên lai thuế	Bản đăng ký khai thác với UBND xã*
		Hóa đơn tài chính/Biên lai thuế

Nguồn: Điều tra thực địa, Định nghĩa gỗ hợp pháp và TLAS bản cập nhật ngày 24/4/2014

“”: Theo Thông tư 35/ 2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ*

Vận chuyển

Vận chuyển gỗ cao su bao gồm 2 khâu: Vận chuyển gỗ trước chế biến sau khai thác và vận chuyển gỗ sau chế biến. Vận chuyển gỗ cao su sau khi khai thác trên địa bàn Tỉnh Bình Phước hoặc từ Bình Phước đến Bình Dương

¹² Từ địa phương “xâm canh” có nghĩa lấn chiếm để canh tác, trồng cây

hiện tại không có cán bộ kiểm lâm giám sát trong khi tại các tỉnh Tây Nguyên cán bộ kiểm lâm vẫn kiểm tra để đảm bảo gỗ rừng tự nhiên không bị trộn lẫn với gỗ cao su trong quá trình vận chuyển. Do vậy, gỗ cao su sau khi khai thác cần có giấy tờ hợp lệ trong quá trình vận chuyển về xưởng chế biến. Các giấy tờ pháp lý đó bao gồm hợp đồng, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển và hóa đơn GTGT đối với gỗ cao su từ vườn cao su thanh lý của các công ty, giấy xác nhận của UBND xã đối với gỗ từ vườn cao su của các hộ gia đình quản lý.

Gỗ cao su sau khi sơ chế thành gỗ xẻ, khi vận chuyển sang một cơ sở chế biến khác sẽ cần hợp đồng, phiếu xuất kho và bảng kê lâm sản để xác định lý lịch và nguồn gốc gỗ. Nếu hai cơ sở chế biến (sơ và tinh chế) trực thuộc một công ty thì chỉ cần phiếu xuất kho nội bộ để vận chuyển (Bảng 8).

Bảng 8. Bảng chứng pháp lý trong quá trình vận chuyển gỗ cao su

Vận chuyển trước chế biến	Vận chuyển sau chế biến
Đăng ký ngành nghề vận chuyển	Đăng ký ngành nghề vận chuyển
Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
Bảng kê lâm sản do chủ gỗ lập có xác nhận của UBND xã	Bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm

Nguồn: Điều tra thực địa, Định nghĩa gỗ hợp pháp và TLAS bản cập nhật ngày 24/4/2014

Chế biến

Không như các loại gỗ rừng trồng khác, gỗ cao su cần phải qua quá trình ngâm hóa chất để làm sạch mủ mới có thể bảo quản lâu dài. Các cơ sở có khả năng sơ chế gỗ cao su thành gỗ xẻ, do vậy, thường là các công ty có đăng ký kinh doanh chế biến gỗ. Các xưởng xẻ hộ gia đình, do không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công nghệ chế biến gỗ cao su nên không thể tham gia sơ chế gỗ cao su thành gỗ xẻ. Gỗ cao su sau khi sơ chế sẽ được bán cho các cơ sở đóng đồ gỗ nội thất (như bàn, ghế, tủ) hoặc các cơ sở sản xuất gỗ/ván ghép thanh (Những cơ sở này được gọi là các cơ sở tinh chế gỗ cao su).

Khi mua gỗ cao su (trước và sau sơ chế) các cơ sở đều có hợp đồng và hóa đơn GTGT, tuân thủ các quy trình xuất và nhập nguyên liệu, một số cơ sở còn yêu cầu bên bán phải có bảng kê lâm sản để chứng minh nguồn gốc xuất xứ của gỗ sau sơ chế. Các cơ sở chế biến gỗ cao su đều có thể đáp ứng các quy định pháp lý về môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy và nộp thuế đầy đủ. Bảng chứng pháp lý của các cơ sở chế biến gỗ cao su được tổng hợp trong Bảng 9

Bảng 9. Bảng chứng pháp lý trong quá trình chế biến gỗ cao su

Chế biến – Sơ chế	Chế biến – Tinh chế
Đăng ký ngành nghề chế biến gỗ	Đăng ký ngành nghề chế biến gỗ
Hợp đồng với công ty hoặc hộ gia đình trồng cao su	Hợp đồng với công ty bán gỗ cao su sơ chế
Sổ theo dõi xuất nhập gỗ và lâm sản	Bảng kê lâm sản do bên bán lập
Hóa đơn tài chính/GTGT/Biên lai thuế	Sổ theo dõi xuất nhập gỗ và lâm sản
Tuân thủ quy định nộp thuế	Hóa đơn tài chính/GTGT
Tuân thủ quy định sử dụng lao động	Tuân thủ quy định nộp thuế
Tuân thủ quy định PCCC	Tuân thủ quy định sử dụng lao động
Tuân thủ quy định bảo vệ môi trường	Tuân thủ quy định PCCC
	Tuân thủ quy định bảo vệ môi trường

Nguồn: Điều tra thực địa, Định nghĩa gỗ hợp pháp và TLAS bản cập nhật ngày 24/4/2014

Xuất khẩu

Các công ty xuất khẩu gỗ cao su sang các thị trường Mỹ, Nhật và Châu Âu hiện tại đều phải tuân thủ các yêu cầu giải trình nguồn gốc gỗ. Ngoài việc tuân thủ các thủ tục xuất khẩu thông thường, các công ty còn yêu cầu bên bán phải có bảng kê lâm sản để làm thủ tục nhập xưởng và làm cơ sở giải trình về nguồn gốc gỗ. Một số cơ sở còn có

giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật khi bên mua yêu cầu. Bằng chứng của việc xuất nhập khẩu gỗ cao su sẽ bao gồm các loại giấy tờ được tổng hợp trong Bảng 10.

Bảng 10. Bằng chứng pháp lý của gỗ cao su khi xuất nhập khẩu

Nhập khẩu	Xuất khẩu
Đăng ký ngành nghề kinh doanh XNK	Đăng ký ngành nghề kinh doanh XNK
Hợp đồng mua bán	Hợp đồng mua bán
Chứng nhận nguồn gốc (CO)	Chứng nhận nguồn gốc (CO)
Vận đơn (Bill of Lading)	Vận đơn (Bill of Lading)
Hóa đơn (Invoice)	Hóa đơn (Invoice)
Bảng kê lâm sản	Bảng kê lâm sản
Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật	Tuân thủ quy định nộp thuế xuất khẩu
Tuân thủ quy định nộp thuế nhập khẩu	

Nguồn: Điều tra thực địa, Định nghĩa gỗ hợp pháp và TLAS bản cập nhật ngày 24/4/2014

Các quy định hiện hành

Khối lượng gỗ từ diện tích cao su thanh lý ngày càng tăng đang trở thành nguồn nguyên liệu quan trọng cho ngành chế biến gỗ tại Việt Nam và giúp hạn chế nhập khẩu gỗ cao su nguyên liệu. Việc quản lý gỗ cao su từ khâu khai thác, chế biến đến xuất khẩu là rất cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp và nguồn gốc gỗ cao su trên thị trường nội địa cũng như thị trường quốc tế.

Trong Hiệp định Đối tác Tự nguyện giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (VPA), Định nghĩa gỗ Hợp pháp (LD) và hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS) sẽ là cơ sở để đảm bảo gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang EU là hợp pháp. Cũng như các loại gỗ khác, khi đưa gỗ cao su vào VPA, các quy định về khai thác, vận chuyển, mua bán, chế biến, xuất-nhập khẩu, thuế, môi trường và lao động sẽ được áp dụng đối với gỗ cao su. Định nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ được xây dựng dựa trên 7 nguyên tắc tuân thủ các quy định về khai thác, vận chuyển, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu, nộp thuế và xử lý gỗ tịch thu. Gỗ cao su, do vậy cũng tuân thủ theo các nguyên tắc và tiêu chí xây dựng LD và TLAS.

Để đảm bảo tính hợp pháp của gỗ nói riêng và lâm sản nói chung, Bộ NNPTNT đã ban hành thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 và thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc gỗ; thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Nếu đối chiếu các thông tư này với gỗ cao su sẽ thấy có sự khác biệt giữa gỗ cao su trồng trên đất rừng và gỗ cao su trồng trên các loại đất khác. Cây cao su trồng trên đất rừng, theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, có thể được hiểu là rừng cao su. Việc khai thác gỗ từ rừng cao su trồng tập trung sẽ tuân thủ theo các quy định trong Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT còn gỗ cao su trồng trên các loại đất khác có thể được coi như gỗ từ vườn, trang trại hoặc cây trồng phân tán.

Do vậy, sự khác biệt về tính pháp lý của gỗ cao su đối với các loại gỗ khác chủ yếu sẽ nằm trong khâu khai thác. Các văn bản tham chiếu để xác định tính hợp pháp của gỗ cao su tại các khâu vận chuyển, chế biến, xuất-nhập khẩu sẽ tương tự đối với gỗ từ vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán.

Các văn bản tham chiếu đối với tính hợp pháp của gỗ cao su

Khai thác

Gỗ cao su thanh lý của các công ty quốc doanh được bán đấu giá đã giúp cho tính pháp lý của gỗ cao su được minh bạch trước khi lưu thông trên thị trường. Đây là cơ sở để có các bằng chứng về địa điểm, diện tích, trữ lượng và chủ sở hữu của vườn cây cao su. Từ đó, các quy định về khai thác gỗ cao su có thể được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế. Trong cả hai trường hợp (vườn cây cao su thanh lý của công ty và của hộ gia đình) các cơ sở khai thác đều có hợp đồng và hóa đơn tài chính kèm theo xác nhận của UBND xã đối với vườn cây cao su của hộ gia đình, hồ sơ khảo sát nếu là diện tích cao su của các công ty quốc doanh. Dựa vào kết quả điều tra thực

tế và các tiêu chí xây dựng Định nghĩa gỗ hợp pháp, các tiêu chí khai thác gỗ cao su hợp pháp được xây dựng như sau (Bảng 11 và Bảng 12).

Bảng 11. Các tiêu chí khai thác vườn cây cao su do các công ty quản lý

Tiêu chí	Văn bản quy phạm pháp luật
Tuân thủ quy định quyền sử dụng đất	
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Điều 48, 49, 51 Luật Đất đai năm 2003
Quyết định giao đất	Điều 32, 33, 34, 35 Luật Đất đai năm 2003
Hợp đồng thuê đất	Điều 5, 13, 14 Nghị định số 02. CP; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP Điều 5, 9, 11 Thông tư 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT
Tư cách pháp nhân về ngành nghề khai thác gỗ	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề khai thác gỗ	Điều 24, 25 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 6, 10, 11 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP
Tuân thủ quy định về mua bán vườn cây cao su	
Hợp đồng mua bán	Điều 31, Luật Quản lý Thuế năm 2006; Thông tư 23/2010-TT-BTP,
Hóa Đơn tài chính/GTGT	Điều 31, Luật Quản lý Thuế năm 2006
Đảm bảo độ che phủ rừng	
Rừng cao su trồng tập trung của các công ty quốc doanh cần có bản thiết kế khai thác và được Sở NN&PTNT hoặc cơ quan chủ quản	Điều 8, thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT
Rừng cao su trồng tập trung của các công ty tư nhân cần có bản thiết kế khai thác đã đăng ký với UBND xã	Điều 9 thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT
Bảng 12. Tiêu chí khai thác vườn cây cao su của các hộ gia đình	
Tiêu chí	Văn bản quy phạm pháp luật
Tuân thủ quy định quyền sử dụng đất	
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Điều 52, Luật Đất đai
Quyết định giao đất hoặc Hợp đồng thuê đất	Điều 37, Luật Đất đai
Tư cách pháp nhân về ngành nghề khai thác gỗ	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề khai thác gỗ	Điều 24, 25 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 6, 10, 11 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP
Tuân thủ quy định về mua bán vườn cây cao su	
Hợp đồng mua bán	Điều 31, Luật Quản lý Thuế năm 2006
Hóa Đơn tài chính/GTGT	Điều 31, Luật Quản lý Thuế năm 2006
Đảm bảo độ che phủ của rừng	
Rừng cao su trồng tập trung của các hộ gia đình phải có bản thiết kế khai thác đã đăng ký với UBND xã	Điều 9 thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT

Mua bán và vận chuyển gỗ cao su

Vận chuyển gỗ cao su tồn tại dưới hai hình thức. Vận chuyển trước chế biến và vận chuyển sau chế biến. Vận chuyển trước chế biến là quá trình vận chuyển gỗ tròn từ vườn cây cao su về xưởng sơ chế. Vận chuyển sau chế biến diễn ra sau khi gỗ cao su được xẻ thanh, ngâm, tẩm và sấy khô. Đối với việc vận chuyển gỗ cao su sau khai thác về cơ sở chế biến, bên mua thường đã có hợp đồng và tư cách pháp nhân để khai thác vườn cây cao su, do vậy chỉ cần phiếu xuất kho kiêm vận chuyển để làm bằng chứng hợp pháp trong quá trình vận chuyển. Đối với gỗ cao su sau khi chế biến, ngoài phiếu xuất kho kiêm vận chuyển, các công ty còn kèm theo bảng kê lâm sản có xác nhận của cán bộ kiểm lâm để chứng minh nguồn gốc gỗ cao su. Do vậy, giấy tờ pháp lý trong quá trình mua bán, vận chuyển gỗ cao su bao gồm hợp đồng, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển và bảng kê lâm sản đối với vận chuyển sau chế biến. Như vậy, để tuân thủ nguyên tắc mua bán và vận chuyển gỗ cao su các cơ sở cần có đăng ký kinh doanh vận chuyển gỗ, hợp đồng, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển và bảng kê lâm sản có xác nhận của kiểm lâm đối với việc mua bán, vận chuyển sau chế biến (Bảng 13).

Bảng 13. Các tiêu chí tuân thủ nguyên tắc mua bán và vận chuyển gỗ cao su

Tiêu chí	Văn bản quy phạm pháp luật
Có tư cách pháp nhân về vận chuyển	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có ngành nghề vận chuyển)	Điều 24, 25 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 6, 10, 11 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP
Tuân thủ quy định mua bán vận chuyển gỗ chưa qua chế biến	
Hóa Đơn GTGT	Điều 31, Luật Quản lý Thuế năm 2006
Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ	Điều 18 Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT; Điều 2 của Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT
Bảng kê lâm sản do chủ gỗ lập	Điều 18 Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT; Điều 1 của Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT
Tuân thủ quy định mua bán vận chuyển gỗ sau chế biến	
Hóa Đơn GTGT	Điều 31, Luật Quản lý Thuế năm 2006
Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ	Điều 18 Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT; Điều 2 của Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT
Bảng kê lâm sản do chủ gỗ lập và có xác nhận của kiểm lâm	Điều 7, 17 Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT

Chế biến

Kết quả khảo sát cho thấy các cơ sở chế biến gỗ cao su đều có quy mô vừa hoặc lớn. Các cơ sở này, do vậy, cũng tương đồng với các cơ sở chế biến các loại gỗ khác trong Định nghĩa gỗ hợp pháp và phải tuân thủ nguyên tắc 5 quy định chế biến gỗ. Những cơ sở này phải có giấy phép đăng ký kinh doanh ngành nghề chế biến gỗ và tuân thủ các quy định nộp thuế, bảo vệ môi trường, sử dụng lao động và phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra, cơ sở chế biến sẽ phải tuân thủ các quy định về nguồn gốc gỗ đưa vào chế biến gồm có hợp đồng, hóa đơn tài chính và có sổ theo dõi việc nhập- xuất nguyên liệu gỗ đầu vào-đầu ra tại xưởng chế biến. Đây cũng là cơ sở để xưởng chế biến có thể truy xuất nguồn gốc gỗ cho mỗi lô sản phẩm trong quá trình chế biến. Hiện tại các công ty chế biến gỗ cao su đều có khả năng đáp ứng những yêu cầu này do vậy việc đưa những quy định này vào VPA sẽ không gây khó khăn cho các doanh nghiệp.

Gỗ cao su, sau khi sơ chế thành gỗ xẻ, trông giống các loại gỗ xẻ khác. Để phân biệt với các loại gỗ khác, các công ty mua bán gỗ cao su đã qua sơ chế cần có bảng kê lâm sản do bên bán lập. Bảng kê lâm sản cũng sẽ là cơ sở để cán bộ kiểm lâm kiểm tra đảm bảo các loại gỗ rừng tự nhiên không bị trộn lẫn với gỗ cao su. Như vậy, để tuân thủ quy định nguồn gốc gỗ hợp pháp đưa vào chế biến, các cơ sở mua gỗ cao su đã qua sơ chế cần có hợp đồng, hóa đơn tài chính và bảng kê lâm sản để chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp. Ngoài ra các cơ sở chế biến gỗ cao su còn phải tuân thủ các quy định về môi trường, quy định sử dụng lao động và các quy định về nộp thuế (Bảng 14).

Bảng 14. Các tiêu chí tuân thủ quy định về chế biến gỗ cao su

Tiêu chí	Văn bản pháp quy
Tuân thủ quy định về hoạt động chế biến gỗ	
Tư cách pháp nhân: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề chế biến gỗ	Điều 24,25 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Điều 6, 10, 11 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP
Bảo vệ môi trường: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường	Điều 12, 18, 19, 24, 27, 29, 32, 33, 36, 38 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP
Phòng cháy chữa cháy: Giấy chứng nhận đáp ứng quy định phòng cháy chữa cháy	Điều 9,16,17 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định số 46/2012/ND-CP
Theo dõi nhập- xuất lâm sản	Điều 20 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT
Tuân thủ quy định nguồn gốc gỗ hợp pháp đưa vào chế biến	
Hợp đồng mua bán	Điều 31, Luật Quản lý Thuế năm 2006
Hóa đơn tài chính hoặc GTGT	Điều 20 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT
Bảng kê lâm sản do chủ gỗ lập	Điều 20 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT
Tuân thủ quy định sử dụng lao động	Bộ Luật lao động năm 2012
Tuân thủ quy định nộp thuế	Luật quản lý thuế 2006

Xuất nhập khẩu

Số liệu thống kê cho thấy cây cao su hiện tại được trồng trên diện tích rộng ở một số tỉnh Miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên như Bình Phước, Đồng Nai, Gia Lai, và Kon Tum. Việc trồng nhiều cao su trên một địa bàn rất dễ gây ra dịch hại. Do vậy, khi nhập khẩu gỗ cao su vào Việt Nam làm nguyên liệu chế biến cần được kiểm dịch thực vật để đảm bảo không có sâu bệnh lạ đối với cao su Việt Nam. Các công ty nhập khẩu gỗ cao su làm nguyên liệu, ngoài việc tuân thủ các quy định nhập khẩu cần phải tuân thủ quy định về kiểm dịch thực vật. Do vậy, các giấy tờ hợp pháp để nhập khẩu gỗ cao su nguyên liệu bao gồm: hợp đồng, hóa đơn, vận đơn, bảng kê (packing list), giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO), giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và biên lai nộp thuế nhập khẩu trong trường hợp không được miễn thuế. Tương tự, đối với gỗ cao su xuất khẩu, các công ty xuất nhập khẩu cũng phải tuân thủ các quy định xuất khẩu trong đó có tờ khai hải quan, hợp đồng và hóa đơn đối với sản phẩm phải nộp thuế, vận đơn, bảng kê lâm sản do chủ gỗ lập. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ do bên mua yêu cầu. Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về bằng chứng và phương pháp kiểm tra gỗ cao su cũng tương tự các loại gỗ khác, được liệt kê trong Bảng 15.

Nội dung của các văn bản QPPL đối với tính hợp pháp của gỗ cao su

Kết quả nghiên cứu là cơ sở để rà soát các văn bản pháp quy có liên quan đến tính hợp pháp của gỗ cao su từ khâu thanh lý, bán đấu giá, khai thác đến vận chuyển, chế biến và xuất nhập khẩu gỗ. Tất cả các văn bản pháp quy được liệt kê trong Bảng 15 sẽ làm cơ sở để đảm bảo gỗ cao su được hợp pháp theo các nguyên tắc và tiêu chí xây dựng Định nghĩa gỗ hợp pháp và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ hiện đang được hoàn thiện để phục vụ Hiệp định Đối tác tự nguyện (VPA) giữa Chính phủ Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU).

Bảng 15. Các văn bản QPPL liên quan đến tính hợp pháp của gỗ cao su trong chuỗi cung ứng

Văn bản QPPL quy định bằng chứng	Nội dung
Thanh lý đấu giá	
Điều 22, 23 Luật Quản Lý và Sử dụng tài sản nhà nước năm 2008	Quy định việc bán và thanh lý tài sản nhà nước trong đó có tài sản gắn liền với Đất. Như vậy, cây cao su trồng trên đất được giao quyền sử dụng cho các công ty quốc doanh được thanh lý và bán theo quy định của Luật này
Nghị Định 17/2010/NĐ-CP	Được chính phủ ban hành ngày 24 tháng 03 năm 2010 quy định việc bán đấu giá tài sản nói chung trong đó có tài sản nhà nước
Thông Tư 23/2010/TT-BTP	Hướng dẫn đào tạo, trình tự, thủ tục và việc tổ chức bán đấu giá được quy định tại Nghị Định 17/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.
Khai thác	
Điều 48, 49, 50, 51 Luật Đất đai năm 2003	Quy định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các tổ chức kinh tế, xã hội.
Điều 97 Luật đất đai năm 2013	Quy định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 vẫn có giá trị pháp lý mà không phải đổi sang mẫu mới khi Luật đất đai 2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.
Điều 32, 33, 34, 35 Luật đất đai năm 2003	Quy định việc giao và cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức kinh tế, xã hội.
Điều 56, 56 và Khoản 3 Điều 102 Luật đất đai năm 2013	Điều 55, 56 Quy định các đối tượng được giao và cho thuê đất. Khoản 3 Điều 102 quy định việc ký hợp đồng và cấp giấy chứng nhận đối với các tổ chức đang thuê đất theo quy định tại Điều 56 của Luật này.
Mục 2, Điều 97 đến 106, Luật đất đai năm 2013	Quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức kinh tế xã hội có đủ điều kiện theo Luật này nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
Điều 5, 13, 14 Nghị định số 2-CP.	Ban hành ngày 15 tháng 1 năm 1994 quy định việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, trong đó có quy định cụ thể về hồ sơ giao đất lâm nghiệp và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp tại điều 13 và điều 14. Các tổ chức kinh tế, xã hội, hộ gia đình và cá nhân là các đối tượng được giao đất (Điều 5)
Nghị định số 163/1999/NĐ-CP	Được ban hành ngày 16 tháng 11 năm 1999 quy định việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Nghị định này được ban hành và thay thế cho Nghị Định số 02-CP ngày 15 tháng 1 năm 1994. Nghị Định quy định cụ thể mục đích sử dụng đất lâm nghiệp, đối tượng được giao và các hình thức giao, khoán, cho thuê với từng trường hợp cụ thể.
Điều 5, 9, 11 Thông tư 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT	Quy định thủ tục giao rừng, thuê rừng, gắn liền với việc giao đất, thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Văn bản QPPL quy định bằng chứng	Nội dung
Điều 2, 24, 25 Luật Doanh nghiệp năm 2005	Quy định việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế
Điều 6, 10, 11 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP	Quy định thủ tục đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh.
Điều 31, Luật Quản lý thuế năm 2006 và Điều 1 khoản 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế năm 2006	Quy định về hồ sơ khai thuế trong đó có hóa đơn và hợp đồng làm tài liệu để khai và nộp thuế cho từng trường hợp cụ thể
Quyết Định số 2855/QĐ-BNN-KHCN	Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Quyết định công bố cây cao su là cây đa mục đích có thể sử dụng cho cả mục đích nông nghiệp và lâm nghiệp. Như vậy, gỗ cao su có thể được coi là lâm sản khi cây cao su được sử dụng vào mục đích lâm nghiệp (như trồng rừng sản xuất)
Điều 8, Điều 9 Thông Tư 35/2011/TT-BNNPTNT	Hướng dẫn việc khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ đối với rừng trồng tập trung vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn tự đầu tư hoặc nhà nước hỗ trợ.
Vận chuyển (Ngoài việc tuân thủ các quy định về thuế và đăng ký kinh doanh, các cơ sở cần tuân thủ các quy định sau)	
Điều 18 Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT	Quy định hồ sơ vận chuyển gỗ nội bộ phải có phiếu xuất kho nội bộ và bảng kê lâm sản
Điều 7, 17 Thông Tư 01/2012/TT-BNNPTNT	Quy định hồ sơ lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng trồng tập chung của tổ chức xuất ra phải có hóa đơn theo quy định của bộ tài chính và bảng kê lâm sản có xác nhận của cơ quan kiểm lâm
Điều 2 của Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT	Thay cụm từ “phiếu xuất kho nội bộ” bằng “phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ”
Chế biến (Ngoài việc tuân thủ các quy định về thuế và đăng ký kinh doanh, các cơ sở cần tuân thủ các quy định sau)	
Điều 20 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT	Quy định hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến bao gồm sổ xuất nhập lâm sản, hóa đơn bán hàng, bảng kê lâm sản và các giấy tờ khác có liên quan đến việc xuất nhập lâm sản.
Điều 7 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT và Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 42/2012/TT-BNNPTNT	Quy định việc xác nhận của cơ quan kiểm lâm đối với lâm sản có nguồn gốc từ rừng tự nhiên và lâm sản sau chế biến. Điều đó đồng nghĩa với việc gỗ cao su chỉ cần xác nhận của cơ quan kiểm lâm sau khi chế biến, trước khi sơ chế không cần phải có xác nhận của cơ quan kiểm lâm.
Điều 12, 18, 19, 24, 27, 29, 32, 33, 36, 38 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP	Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra và xác nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xây dựng cơ sở chế biến gỗ có công suất thiết kế nguyên liệu đầu vào từ 3000m ³ /năm trở lên. Đối với các cơ sở chế biến gỗ có công suất nhỏ hơn 3000m ³ /năm phải có cam kết bảo vệ môi trường đăng ký tại UBND cấp huyện hoặc cấp xã
Điều 9, 16, 17 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định số 46/2012/ND-CP	Quy định các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy đối với các cơ sở sản xuất, việc thiết kế, thẩm định và phê duyệt hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với các dự án, công trình xây dựng dễ cháy nổ (như cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp) theo danh mục được quy định

Văn bản QPPL quy định bằng chứng	Nội dung
Bộ Luật lao động năm 2012	trong nghị định này . Quy định đối tượng, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động. Quy định cụ thể về hợp đồng lao động, mức lương, an toàn vệ sinh lao động, công đoàn, bảo hiểm xã hội , bảo hiểm y tế của người lao động và người sử dụng lao động.
Xuất nhập khẩu gỗ cao su	
Điều 7, 8, 9 Nghị định 154/2005/NĐ-CP;	Quy Định thủ tục hải quan và các loại giấy tờ cần thiết đối với các loại hàng hóa xuất nhập khẩu. (Tờ khai hải quan, hợp đồng, giấy phép đối với các loại hàng hóa cần giấy phép xuất/nhập khẩu, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa)
Điều 11,12 Thông tư số 128/2013/TT-BTC;	Hướng dẫn thủ tục khai hải quan và nộp thuế đối với hàng hóa xuất/nhập khẩu không được miễn thuế
Nghị định số 187/2013/NĐ-CP	Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài
Thông tư 164/2013/TT-BTC,	Ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế
Điều 10, 11, 12 và 13 Nghị định 154/2005/NĐ-CP,	Quy định việc kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu
Điều 16, 18 Thông tư 128/2013/TT-BTC	Hướng dẫn việc kiểm tra và giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu

Các bên liên quan đến chuỗi cung ứng gỗ cao su

Cơ quan quản lý nhà nước

Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh

Ngoài vai trò quản lý các cơ quan trực thuộc như các sở ban ngành và các huyện thị, UBND Tỉnh còn quản lý một số công ty trồng cao su quốc doanh không thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su. Đối với các công ty này, UBND Tỉnh là cơ quan đưa ra quyết định thanh lý vườn cao su sau khi nhận được văn bản đề nghị thanh lý vườn cây cao su của công ty cao su kèm theo hồ sơ thẩm định giá của Sở Tài Chính.

Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn

Với vai trò bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, Sở NN&PTNT xây dựng phương án bảo vệ rừng và phát triển các cơ sở chế biến trên toàn tỉnh. Do vậy, Sở NN&PTNT là cơ quan cấp phép khai thác rừng cao su trên địa bàn tỉnh thông qua ý kiến tham mưu từ Chi Cục Lâm Nghiệp và Chi Cục Kiểm Lâm

Chi Cục Lâm Nghiệp

Là cơ quan trực thuộc Sở NN&PTNT, Chi Cục Lâm Nghiệp đảm nhận việc quy hoạch rừng và mạng lưới các cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh. Do vậy, Chi Cục Lâm Nghiệp sẽ là nơi thụ lý hồ sơ thanh lý rừng cao su trồng tập trung trên địa bàn tỉnh và tham mưu cho Sở NN&PTNT cũng như UBND Tỉnh ra quyết định thành lập cơ sở chế biến gỗ cao su.

Chi Cục Kiểm Lâm và Hạt Kiểm Lâm

Với vai trò quản lý rừng và lâm sản trên địa bàn các huyện trong tỉnh, Chi Cục Kiểm Lâm và Hạt Kiểm Lâm đảm bảo việc khai thác và chế biến gỗ cao su không bị lẫn với gỗ rừng tự nhiên. Do vậy, cán bộ kiểm lâm sẽ làm nhiệm vụ kiểm tra các cơ sở chế biến gỗ cao su và xác nhận bằng kê lâm sản của các cơ sở chế biến này.

Sở Tài Nguyên và Môi Trường

Với vai trò quản lý tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh, Sở Tài Nguyên và Môi Trường hướng dẫn và phối hợp với UBND Huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy hoạch của Tỉnh.

Ủy Ban Nhân Dân Huyện

Với vai trò quản lý hành chính cấp huyện, UBND Huyện đảm bảo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy hoạch và theo các quy định hiện hành để đảm bảo việc khai thác gỗ cao su trên diện tích đất có quyền sử dụng hợp pháp.

Ủy Ban Nhân Dân Xã

Với vai trò quản lý hành chính trực tiếp tại địa phương, UBND xã là cơ quan nắm bắt được hiện trạng của các vườn cao su do hộ gia đình quản lý do vậy có thể xác nhận cho việc khai thác gỗ từ vườn cao su và có ý kiến phản hồi đối với thiết kế khai thác rừng cao su trồng tập trung của các hộ gia đình và của các công ty tư nhân tự đầu tư trồng rừng.

Cục và Chi Cục Hải Quan

Với vai trò kiểm tra, giám sát và thực hiện các thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, các Chi Cục Hải Quan, dưới sự chỉ đạo của Cục Hải Quan sẽ đảm bảo gỗ cao su xuất và nhập khẩu có đầy đủ bằng chứng pháp lý để xuất/nhập qua các cửa khẩu của Việt Nam.

Chi Cục Thuế

Chi Cục Thuế làm nhiệm vụ thuế và đảm bảo các cơ sở chế biến, vận chuyển và xuất nhập khẩu gỗ cao su trên địa bàn tỉnh nộp thuế đầy đủ thông qua hóa đơn tài chính/GTGT và các biên lai thu thuế.

Doanh nghiệp và hộ gia đình

Hộ gia đình

Kết quả khảo sát cho thấy, trong chuỗi cung ứng gỗ cao su, các hộ gia đình chỉ tham gia với vai trò là người sở hữu vườn cao su thanh lý mà không tham gia khai thác, vận chuyển và chế biến gỗ cao su do không đủ năng lực để tham gia các khâu này. Với vai trò là chủ sở hữu vườn cao su, các hộ gia đình chỉ cần cung cấp bằng chứng về QSDĐ (như Giấy chứng nhận QSDĐ, quyết định giao đất, hợp đồng thuê đất) và ký hợp đồng với công ty mua vườn cao su. Công ty mua vườn cao su sẽ xin xác nhận của UBND xã để đảm bảo tính hợp pháp khi khai thác và vận chuyển gỗ cao su.

Cơ sở khai thác và chế biến

Do gỗ cao su sau khi khai thác cần phải ngâm, tẩm hóa chất xử lý mủ, sau đó sấy khô mới sử dụng được. Các cơ sở sơ chế gỗ cao su phải qua nhiều công đoạn từ cắt khúc, xẻ thanh, ngâm hóa chất, sấy khô sau đó mới xuất xưởng để bán cho các cơ sở tinh chế như sản xuất đồ gỗ, sản xuất ván ghép thanh và gỗ ghép thanh. Các công đoạn này không thể tách rời để giao khoán cho các hộ gia đình do vậy các cơ sở chế biến gỗ cao su không tồn tại với quy mô nhỏ (như quy mô hộ gia đình). Các cơ sở chế biến có quy mô lớn (như Công Ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Thuận An, Công Ty TNHH Gỗ Nam Mỹ) thường chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường cho sản phẩm đầu ra do vậy đảm nhiệm cả vai trò xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cao su. Các cơ sở này thường có đầy đủ các bằng chứng để chứng minh tính hợp pháp của nhà máy và sản phẩm đầu ra.

Do gỗ sau khi khai thác từ vườn cao su không để được lâu trong khi công suất của nhà máy thì có hạn nên các cơ sở chế biến thường chủ động trong khâu khai thác bằng cách tự tổ chức khai thác theo năng lực chế biến của nhà máy. Khai thác và vận chuyển, do vậy, được thực hiện với danh nghĩa của các cơ sở chế biến.

Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam

Với vai trò quản lý diện tích cao su quốc doanh trên địa bàn toàn quốc, Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch khai thác và tái canh hàng năm. Theo đó, Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam ra quyết định thanh lý, bán đấu giá vườn cao su và quyết định phân bổ vườn cao su thanh lý cho các cơ sở chế biến theo nhu cầu của các công ty thành viên và theo các quy định hiện hành của nhà nước (ví dụ quy định về bán đấu giá tài sản nhà nước tại Nghị Định 17/2010/NĐ-CP)

Thuận lợi và khó khăn

Thuận lợi

Do đặc điểm ngâm, tẩm hóa chất và sấy khô của gỗ cao su nên gỗ cao su không thể bán đại trà cho nhiều cơ sở chế biến. Số lượng tư thương và đầu nậu trong ngành này không nhiều, giảm áp lực cạnh tranh về giá khi mua gỗ cao su nguyên liệu. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở chế biến gỗ cao su mua nguyên liệu khi các hộ gia đình và các công ty tư nhân có nhu cầu thanh lý vườn cao su để tái canh.

Thuận lợi hơn nữa nếu cơ sở chế biến là công ty thành viên của Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam. Công ty thành viên được Tập Đoàn ưu tiên phân bổ vườn cao su thanh lý theo nhu cầu mà không cần phải cạnh tranh với các cơ sở khác về nguồn nguyên liệu.

Các thủ tục thanh lý và bán đấu giá vườn cao su của các công ty quốc doanh đã tạo cơ sở pháp lý cho các công ty mua vườn cao su khai thác với đầy đủ bằng chứng hợp pháp để chứng minh nguồn gốc gỗ cao su.

Khó khăn

Do tính thời vụ của việc tái canh vườn cao su, gỗ cao su không thể khai thác quanh năm. Thông thường cao su được trồng vào tháng 7 và tháng 8 nên việc khai thác gỗ cao su phải kết thúc vào tháng 6 để bàn giao mặt bằng cho công ty cao su. Khai thác gỗ cao su chỉ diễn ra trong vòng 6-7 tháng/năm. Nhà máy chế biến gỗ cao su do vậy thường gặp khó khăn về nguyên liệu đầu vào trong những tháng còn lại. Trong những tháng này, nhà máy chỉ tận dụng được nguồn nguyên liệu từ cây cao su gãy, đổ do mưa bão hoặc vườn cao su nằm trong quy hoạch phải chặt bỏ để bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên đây chỉ là khó khăn đối với công ty chuyên chế biến gỗ cao su.

Kết luận và kiến nghị

Việt Nam có tiềm năng phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su trong tương lai do diện tích cao su tăng mạnh trong 10 năm gần đây và có thể ổn định ở mức 1 triệu ha bắt đầu từ năm 2015. Theo ước tính, lượng gỗ cao su thanh lý có thể đạt ngưỡng 6 triệu m³ vào năm 2030.

Hiện tại nguyên liệu gỗ cao su tại Việt Nam đạt mức khoảng 2 triệu m³/năm, chủ yếu từ diện tích cao su thanh lý để tái canh của các công ty quốc doanh. Gỗ cao su của các hộ gia đình chỉ chiếm khoảng 10% tổng số gỗ cao su khai thác hàng năm. Lượng gỗ này được tận thu từ cây cao su gãy đổ do điều kiện thời tiết gây ra và từ diện tích bị thu hồi để xây dựng cơ sở hạ tầng như làm đường và xây dựng công sở. Tuy nhiên, gỗ cao su nguyên liệu sẽ tăng dần qua các năm do diện tích thanh lý đang gia tăng hàng năm.

Việc phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su không chỉ phụ thuộc vào diện tích thanh lý mà còn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của nhà nước. Malaysia, Thái Lan và Indonesia là những ví dụ điển hình. Gỗ cao su thanh lý ở Malaysia và Thái Lan ít hơn Indonesia nhưng ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su ở hai nước này phát triển mạnh hơn nhờ có những chính sách và chiến lược phát triển ngành công nghiệp gỗ cao su một cách hợp lý. Do vậy, Việt Nam nên có chính sách khuyến khích ngành công nghiệp chế biến gỗ cao su phát triển.

Mặc dù chưa có hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ cao su Việt Nam trong chuỗi cung ứng trên thị trường nội địa và quốc tế¹³, nhưng trên thực tế gỗ cao su đã được khai thác, vận chuyển và chế biến với các bằng chứng hợp pháp tại Việt Nam và đã được xuất khẩu sang các thị trường như Mỹ, Nhật và Hàn Quốc. Để đảm bảo việc phát triển ngành công nghiệp gỗ cao su mà không ảnh hưởng đến việc bảo vệ và phát triển rừng, diện tích cao su cần phải phân định thành 2 nhóm: rừng cao su và cao su trồng trên các loại đất khác. Gỗ cao su khai thác từ rừng cao su trồng tập trung sẽ tuân thủ các quy định trong Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn thực hiện, khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Gỗ cao su trồng trên các loại đất khác sẽ được

¹³ Định nghĩa gỗ hợp pháp (LD) và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS) sửa đổi vào tháng 4 năm 2014 đã loại bỏ gỗ cao su do không đủ thông tin và bằng chứng pháp lý

khai thác với các loại giấy tờ hợp pháp quy định tại Thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản, và Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012. Do vậy, Sở NN&PTNT hoặc UBND xã cần can thiệp vào tính pháp lý của gỗ khai thác từ rừng cao su trồng tập trung (theo Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT) còn gỗ cao su trồng trên các loại đất khác có tính pháp lý tương tự các loại gỗ tận thu từ vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán (theo 01/2012/TT-BNNPTNT và Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT).

Ngoài ra, gỗ cao su của các công ty cao su quốc doanh được trồng với vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, khi khai thác phải tuân thủ các quy định về thanh lý và đấu giá theo Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 và các quy định trong Nghị Định 17/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2010 về việc bán đấu giá tài sản.

Về quyền sử dụng đất, hiện tại nhiều hộ gia đình ở các tỉnh trồng cao su chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Do vậy, Sở Tài Nguyên và Môi Trường kết hợp với UBND Huyện ở các tỉnh trồng nhiều cao su cần đẩy nhanh quá trình cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với các hộ gia đình được giao đất, hiện nay đang trồng cao su, nhưng chưa có Giấy chứng nhận QSDĐ. UBND Tỉnh và Sở NN&PTNT giải quyết dứt điểm các trường hợp lấn chiếm rừng trồng cao su và có biện pháp ngăn chặn không để hiện tượng này tái diễn ở địa phương.

Các khâu vận chuyển, chế biến, xuất-nhập khẩu gỗ cao su sẽ tuân thủ các quy định pháp lý tương tự như các loại gỗ rừng trồng khác.

Tài liệu tham khảo

Bộ Lâm Nghiệp. Thông Tư 06/LN-KL ngày 18 tháng 06 năm 1994 hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15 tháng 1 năm 1994 về giao đất lâm nghiệp.

Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, Quyết Định số 2855/QĐ-BNN-KHCN ngày 17 tháng 09 năm 2008 công bố việc xác định cây cao su là cây đa mục đích.

Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường. Thông Tư Liên Tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2011 hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp.

Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, Thông Tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 hướng dẫn việc khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, Thông Tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, Thông Tư số 42/2012/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Bộ Tài Chính, Thông Tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2013 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Bộ Tài Chính, Thông Tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế.

Bộ Tư Pháp. Thông Tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 2-CP ngày 15 tháng 1 năm 1994 quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy

- Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 quy định chi tiết một số điều của Luật Hải Quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan
- Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 về bán đấu giá tài sản
- Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 về đăng ký doanh nghiệp
- Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.
- Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc
- Chính Phủ Việt Nam. Nghị Định số 187/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.
- Forest Trends. European Trade flows and risk. Washington DC. 2013.
- Kaattisak Kumse. EU Timber Regulation ... will Thai Para rubber wood gain or lose?. SCBEIC (Social Commerical Bank - Economic Intelligent Center). February 28th 2013.
- Killman, W. and Hong L.T., Rubberwood – the success of an agricultural by-product. Unasylva 201, Vol. 51, 2000
- Ngô Kinh Luân. Báo Cáo Ngành Cao Su năm 2013. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Nguyễn Thị Ngọc Hiếu. Nghiên cứu phát triển công tác xuất khẩu cao su của tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam đến năm 2015. Luận Văn Thạc Sĩ Kinh Tế. Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh
- Quốc Hội Việt Nam. Luật số 13/2003/QH11. Luật Đất Đai thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.
- Quốc Hội Việt Nam, Luật số 60/2005/QH11. Luật Doanh Nghiệp thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.
- Quốc Hội Việt Nam, Luật số 78/2006/QH11. Luật Quản Lý Thuế thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.
- Quốc Hội Việt Nam, Luật số 21/2012/QH13. Luật Sửa Đổi, Bổ Sung, Một Số Điều của Luật Quản Lý Thuế thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.
- Quốc Hội Việt Nam. Luật số 45/2013/QH13. Luật Đất Đai thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014
- Quốc Hội Việt Nam. Luật số 09/2008/QH12. Luật Quản lý và Sử dụng Tài sản Nhà nước thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008 và có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2009.
- Quốc Hội Việt Nam, Luật số 10/2012/QH13. Bộ Luật Lao Động thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.
- Suyanto S. 1997. Policy perspective on development of rubberwood in Indonesia. In: Alternatives to slash-and-burn research in Indonesia, proceedings of a workshop Bogor, 6-9 June 1995. ASB Report number 6, 1997. Bogor, Indonesia. International Centre for Research in Agroforestry, SEA Regional Research Programme. P. 245-255
- Trần Thị Thúy Hoa. Tình hình ngành đồ gỗ cao su Việt Nam năm 2005. Thông tin Chuyên Đề. Hiệp Hội Cao Su Việt Nam. Ngày 16/10/2006.
- Trần Thị Thúy Hoa. Tình hình phát triển ngành cao su Việt Nam năm 2008. Báo cáo tại Hội thảo Tình hình và Triển vọng Cung cầu cao su trên thế giới đến 2018. TP. Hồ Chí Minh: 03/3/2009.
- Trần Đức Viên. Bài tham luận tại hội thảo “Phát triển bền vững ngành Cao su Việt nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế” do Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương tổ chức tại Hà nội, ngày 23-12-2008

TVS. Báo cáo ngành cao su tự nhiên. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt. Hà Nội: TVS, 2014.

UBND huyện Sa Thầy. Báo cáo kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày 28/02/2014 trên địa bàn huyện Sa Thầy. Huyện Sa Thầy: UBND, 2014.

Zhang Yisheng, Gao Ruiqing, Zhao Youke, Feng Shanghuan, Wang Huaiqiong, J. Ratnasingam, Lu Jianxiong, Ye Kelin. The Rubberwood Utilization in China. In Rubberwood in China – Resource, Market and Processing Technologies. Project report No CFC/ITTO/72 PD103/01. Published by Research Institute of Wood Industry (CRIWI) and Chinese Academy of Forestry (CAF) in Beijing on July 18th 2009

Phụ lục

Bảng 16. Diện tích và lượng gỗ cao su thanh lý của Tập Đoàn VRG năm 2006-2012

Năm	Diện tích thanh lý tái canh thực tế (ha)	Gỗ tròn (m ³)	Gỗ phôi xẻ (m ³)	Tỷ lệ gỗ tròn (m ³ /ha)	Tỷ lệ gỗ phôi (m ³ /ha)
2006	5.389,84	646.780,80	452.746,56	120	84
2007	8.060,50	967.260,00	677.082,00	120	84
2008	7.343,87	881.264,40	616.885,08	120	84
2009	11.613,49	1.393.618,90	975.533,16	120	84
2010	8.749,48	1.049.937,60	734.956,32	120	84
2011	6.608,92	793.070,40	555.149,28	120	84
2012	11.736,27	1.408.352,40	985.846,68	120	84
2013	12.221,90	1.466.628,00	1.026.639,60	120	84

Bảng 17. Diện tích cao su của Tập Đoàn VRG qua các thời kỳ

Năm	Tổng diện tích	Diện tích trồng mới sau 5 năm	Ước tính diện tích thanh lý hàng năm	Tổng khối lượng gỗ + củi (Thân + cành) (200m ³ /ha)	Tổng khối lượng gỗ tròn (120m ³ /ha)	Tổng khối lượng gỗ phôi sơ chế (84m ³ /ha)	Tổng khối lượng gỗ xẻ tinh chế (30m ³ /ha)
	(ha)	(ha)	(ha/năm)	(m ³ /năm)	(m ³ /năm)	(m ³ /năm)	(m ³ /năm)
1980	582	-	-	-	-	-	-
1985	12.524	11.942	-	-	-	-	-
1990	56.623	44.099	-	-	-	-	-
1995	81.842	25.219	-	-	-	-	-
2000	118.251	36.409	-	-	-	-	-
2005	144.298	26.047	5.604,1	1.120.820	672.492	470.744	168.123
2010	260.040	115.742	7.048,5	1.409.693	845.816	592.071	211.454
2015	420.500	160.460	5.845,0	1.169.000	701.400	490.980	175.350
2020	-	-	11.879,9	2.375.973	1.425.584	997.909	356.396
2025	-	-	20.149,9	4.029.987	2.417.992	1.692.594	604.498
2030	-	-	27.620,2	5.524.040	3.314.424	2.320.097	828.606
2035	-	-	32.092,0	6.418.400	3.851.040	2.695.728	962.760

Bảng 18. Bảng chứng cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp của gỗ cao su trong chuỗi cung ứng

Khai thác	Vận chuyển trước chế biến	Chế biến (sơ chế)	Vận chuyển sau chế biến	Chế biến (tinh chế)	Xuất/nhập khẩu
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng hoặc quyết định giao đất	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề vận chuyển	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề chế biến gỗ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề vận chuyển	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề chế biến gỗ	Hợp đồng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề khai thác gỗ	Hóa đơn tài chính hoặc GTGT	Hợp đồng với công ty cao su hoặc hộ gia đình trồng cao su	Hóa đơn tài chính hoặc GTGT	Hợp đồng với công ty bán gỗ cao su sơ chế	Giấy chứng nhận nguồn gốc gỗ cao su (CO) Hóa đơn (Invoice)
Hợp đồng mua bán vườn cao su	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ	Hóa đơn tài chính hoặc GTGT,	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ	Hóa đơn tài chính hoặc GTGT	Vận đơn (Bill of Lading) Và Bảng kê lâm sản (Packing-list)
Hóa đơn tài chính hoặc GTGT	Bảng kê lâm sản	Bảng kê lâm sản và Sổ theo dõi xuất-nhập lâm sản	Bảng kê lâm sản có xác nhận của kiểm lâm	Bảng kê lâm sản do công ty bán lập và sổ theo dõi xuất-nhập gỗ và lâm sản	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Khi nhập khẩu gỗ cao su nguyên liệu)
Đối với cao su trồng trên đất rừng phải có bản thiết kế khai thác được Sở NN&PTNT hoặc UBND xã chấp nhận		Tuân thủ quy định nộp thuế		Tuân thủ quy định nộp thuế	Tuân thủ quy định nộp thuế XNK
		Tuân thủ quy định sử dụng lao động		Tuân thủ quy định sử dụng lao động	
		Tuân thủ quy định phòng cháy chữa cháy		Tuân thủ quy định phòng cháy chữa cháy	
		Tuân thủ quy định bảo vệ môi trường		Tuân thủ quy định bảo vệ môi trường	

